

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học/ Khoa Kiến trúc	Trung tâm trải nghiệm và đào tạo 9 bộ môn phối hợp (thể thao)	Trần Đình Tiến Đạt	Nguyễn Thanh Tùng	Thiết kế Trung tâm trải nghiệm và đào tạo 9 bộ môn phối hợp (thể thao)
2		Khu quảng trường trung tâm cầu ngói Thanh Toàn	Đoàn Quốc Nhật	Nguyễn Thanh Tùng	Thiết kế Khu quảng trường trung tâm cầu ngói Thanh Toàn
3		Không gian "Làng lúa, làng hoa"	Nguyễn Quang Long	Ngô Hải Tân	Thiết kế Không gian "Làng lúa, làng hoa"
4		Không gian văn hóa Trịnh Công Sơn	Trần Công Tấn	Ngô Hải Tân	Thiết kế Không gian văn hóa Trịnh Công Sơn
5		Công viên tình yêu	Lê Gia Hoà	Đỗ Thanh Mai	Thiết kế Công viên tình yêu
6		Khu nghỉ dưỡng và cắm trại Ngọc An Viên	Trần Quang Thạnh	Đỗ Thanh Mai	Thiết kế Khu nghỉ dưỡng và cắm trại Ngọc An Viên
7		Trung tâm hòa nhập trẻ tự kỷ Huế	Phạm Đăng Đạt	Nguyễn Văn Mẫn	Thiết kế Trung tâm hòa nhập trẻ tự kỷ Huế
8		Trung tâm giao lưu văn hóa Việt Nam - Lào	Xaiyasone Soulichan	Nguyễn Văn Mẫn	Thiết kế Trung tâm giao lưu văn hóa Việt Nam - Lào
9		Thư viện tổng hợp Thừa Thiên Huế	Nguyễn Đình Đạt	Đặng Minh Nam	Thiết kế Thư viện tổng hợp Thừa Thiên Huế
10		Cung thiếu nhi Thừa Thiên Huế	Nguyễn Thị Thúy Hiền	Đặng Minh Nam	Thiết kế Cung thiếu nhi Thừa Thiên Huế
11		Chợ Đông Ba: định hình, tái sinh và phát triển không gian chợ truyền	Nguyễn Kỳ Thanh Dương	Phan Thế Đạt	Thiết kế Chợ Đông Ba: định hình, tái sinh và phát triển không gian chợ truyền thống

		thống			
12		Trung tâm sinh hoạt thể thao-văn hóa làng Sinh	Nguyễn Văn Nhật	Phan Thế Đạt	Thiết kế Trung tâm sinh hoạt thể thao-văn hóa làng Sinh
13		Mô hình đơn vị ở thích ứng với điều kiện lũ tại khu đô thị An Vân Dương	Nguyễn Phan Luân	Trần Ngọc Tuệ	Thiết kế Mô hình đơn vị ở thích ứng với điều kiện lũ tại khu đô thị An Vân Dương
14		Trường đại học Kiến trúc Huế	Nguyễn Quang	Trần Ngọc Tuệ	Thiết kế Trường đại học Kiến trúc Huế
15		Không gian trải nghiệm rau sạch tại Thành Trung (Quảng Điền, TT Huế)	Trần Ngọc Bảo Phước	Phạm Mạnh Hùng	Thiết kế Không gian trải nghiệm rau sạch tại Thành Trung (Quảng Điền, TT Huế)
16		Bảo tàng trang phục cung đình Huế	Nguyễn Viết Thuận	Phạm Mạnh Hùng	Thiết kế Bảo tàng trang phục cung đình Huế
17		Bệnh viện nhi đồng Thành phố Huế	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Nguyễn Phong Cảnh	Thiết kế Bệnh viện nhi đồng Thành phố Huế
18		Làng nghỉ dưỡng phục hồi chức năng Bàu Sen, La Chử	Võ Thị Phương Mai	Nguyễn Phong Cảnh	Thiết kế Làng nghỉ dưỡng phục hồi chức năng Bàu Sen, La Chử
19		"Chân đất" farmstay - Khu nghỉ dưỡng sinh thái mang âm hưởng Vipassana	Đặng Quốc Hoàn	Nguyễn Thị Minh Xuân	Thiết kế "Chân đất" farmstay -Khu nghỉ dưỡng sinh thái mang âm hưởng Vipassana
20		Thiết Kế Đô Thị Tuyến Đường Lê Huân "Sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại"	Nguyễn Ngọc Thạch	Nguyễn Thị Minh Xuân	Thiết Kế Đô Thị Tuyến Đường Lê Huân "Sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại"
21		Khu nghỉ dưỡng và điều	Trần Văn Tiến	Lê Văn Thanh Hùng	Thiết kế Khu nghỉ dưỡng và điều trị tinh thần

		trị tinh thần cho người mang bệnh nan y			cho người mang bệnh nan y
22		Không gian trưng bày và trải nghiệm chè xanh- Thị trấn Truồi	Nguyễn Thị Ngọc Vân	Lê Văn Thanh Hùng	Thiết kế Không gian trưng bày và trải nghiệm chè xanh- Thị trấn Truồi
23		Bảo tàng chiến tranh huyện A Lưới	Nguyễn Phạm Bảo Chi	Bùi Thị Hiếu	Thiết kế Bảo tàng chiến tranh huyện A Lưới
24		Viện dưỡng lão Thành phố Huế	Võ Quang Thanh	Bùi Thị Hiếu	Thiết kế Viện dưỡng lão Thành phố Huế
25		Bảo tàng kiến trúc Việt Nam	Nguyễn Thành Ngôn	Phan Tiến Lợi	Thiết kế Bảo tàng kiến trúc Việt Nam
26		Chợ làng nghề	Đỗ Quang Vũ	Phan Tiến Lợi	Thiết kế Chợ làng nghề
27		Thượng lý thành - Hồi sinh và phát triển tuyến đi bộ Thượng Thành, Kinh thành Huế	Phạm Quý Phúc	Võ Ngọc Đức	Thiết kế Thượng lý thành - Hồi sinh và phát triển tuyến đi bộ Thượng Thành, Kinh thành Huế
28		ReCircle - Không gian nghệ thuật thời trang bền vững	Văn Thị Mỹ Phương	Võ Ngọc Đức	Thiết kế ReCircle - Không gian nghệ thuật thời trang bền vững
29		Không gian trải nghiệm cuộc sống làng chài Ngư Mỹ Thạnh	Ngô Viết Anh	Lê Ngọc Vân Anh	Thiết kế Không gian trải nghiệm cuộc sống làng chài Ngư Mỹ Thạnh
30		Bảo tàng nhạc cụ dân tộc Việt Nam	Nguyễn Ngọc Khánh Hiền	Lê Ngọc Vân Anh	Thiết kế Bảo tàng nhạc cụ dân tộc Việt Nam
31		Bảo tàng điêu khắc quốc tế- Thành phố Huế	Phan Viết Quý Đức	Phạm Đăng Nhật Thái	Thiết kế Bảo tàng điêu khắc quốc tế- Thành phố Huế

32		Trung tâm văn hóa ẩm thực Phật giáo Huế	Trần Thị Ngọc Hà	Phạm Đăng Nhật Thái	Thiết kế Trung tâm văn hóa ẩm thực Phật giáo Huế
33		Nhà máy sửa chữa và đóng tàu quân sự Gia Long	Đào Quang Lâm	Võ Sĩ Châu	Thiết kế Nhà máy sửa chữa và đóng tàu quân sự Gia Long
34		Trung tâm văn hóa trang phục Lào	Phommasunthone Soulinthone	Võ Sĩ Châu	Thiết kế Trung tâm văn hóa trang phục Lào
35		Làng "Âm" Hà Kinh	Nguyễn Hồng Đức	Nguyễn Vũ Minh	Thiết kế Làng "Âm" Hà Kinh
36		Trung tâm nghiên cứu bảo tồn vườn quốc gia Bạch Mã	Nguyễn Văn Hưng	Nguyễn Vũ Minh	Thiết kế Trung tâm nghiên cứu bảo tồn vườn quốc gia Bạch Mã
37		Trung tâm Văn hóa - Hội nghị Việt - Lào	Dalavong Choney	Nguyễn Quang Huy	Thiết kế Trung tâm Văn hóa - Hội nghị Việt - Lào
38		Trung tâm nghiên cứu và công nghệ bảo tồn Kiến trúc Huế	Nguyễn Tấn Tài	Nguyễn Quang Huy	Thiết kế Trung tâm nghiên cứu và công nghệ bảo tồn Kiến trúc Huế
39		Bảo tàng Văn hóa âm nhạc và thể thao đường phố Thành phố Huế	Đặng Khắc Nhật Quang	Nguyễn Văn Thái	Thiết kế Bảo tàng Văn hóa âm nhạc và thể thao đường phố Thành phố Huế
40		Bảo tàng giấy	Hồ Anh Nhật	Võ Tuấn Anh	Thiết kế Bảo tàng giấy
41		Trung tâm trưng bày sản phẩm nghề và vật liệu xây dựng Long Thọ	Phan Thị Như Quỳnh	Võ Tuấn Anh	Thiết kế Trung tâm trưng bày sản phẩm nghề và vật liệu xây dựng Long Thọ
42		Trung tâm trưng bày và nghiên cứu hệ sinh thái Tam Giang	Tôn Thất Huy	Trương Hoàng Phương	Thiết kế Trung tâm trưng bày và nghiên cứu hệ sinh thái Tam Giang
43		Trung tâm triển lãm và trải nghiệm trò chơi dân gian Huế	Phạm Văn Khoa	Trương Hoàng Phương	Thiết kế Trung tâm triển lãm và trải nghiệm trò chơi dân gian Huế

44		Không gian giao lưu văn hóa Hương Trà	Đỗ Trí Kiệt	Nguyễn Ngọc Tùng	Thiết kế Không gian giao lưu văn hóa Hương Trà
45		Pet farm	Nguyễn Hữu Tiến	Nguyễn Ngọc Tùng	Thiết kế Pet farm
46		Câu lạc bộ Âm nhạc và thể thao đường phố Thành phố Huế	Đỗ Văn Xuân Huy	Nguyễn Văn Thái	Thiết kế Câu lạc bộ Âm nhạc và thể thao đường phố Thành phố Huế
	Đại học/ Khoa Báo chí	Thông tin về chủ quyền biển đảo trên báo Nhân dân và Quân đội nhân dân online năm 2022.	Nguyễn Phương Thảo	Hoàng Tất Thắng	Trong năm 2022 vừa qua, báo Nhân dân và báo Quân đội Nhân dân đã tích cực làm tốt vai trò của một tờ báo Đảng. Trong khuôn khổ khóa luận, chúng tôi sẽ đi sâu vào nghiên cứu những đặc điểm về nội dung, hình thức truyền tải thông tin liên quan đến vấn đề chủ quyền biển đảo trên hai tờ báo. Từ đó, đưa ra những ý kiến, nhận xét và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng bài viết và hiệu quả tuyên truyền.
47		Tác phẩm Longform trên báo điện tử Việt Nam hiện nay (Khảo sát Zingnews, Tiền phong Online, Quân đội Nhân dân Online)	Trần Như Phương Nam	Phan Quốc Hải	Với đề tài “Dạng tác phẩm Long Form trên báo điện tử hiện nay”, mục tiêu nghiên cứu bao gồm: Thứ nhất, làm rõ những vấn đề về lý luận về dạng tác phẩm Long Form, phương thức sản xuất dạng tác phẩm Long Form của các tờ báo thực hiện khảo sát. Thứ hai, nghiên cứu hiện trạng về sự phát triển của dạng tác phẩm Long Form của các tờ báo được khảo sát. Từ đó đánh giá, đưa ra những ưu điểm cũng như hạn chế. Thứ ba, đề xuất một số giải pháp cho các tờ báo để sản xuất dạng tác phẩm Long Form được tốt hơn.

48		Đặc điểm sản phẩm báo hình trên mạng xã hội hiện nay (Khảo sát VTV24, VTV8 trên Tiktok, Facebook, Youtube)	Phan Thị Thanh Nhân	Phan Quốc Hải	Với đề tài Tác phẩm báo truyền hình trên mạng xã hội (Khảo sát VTV24, VTV8 trên Tiktok, Facebook, Youtube), khóa luận nghiên cứu về đặc điểm nội dung, hình thức của các tác phẩm báo hình trên mạng xã hội; nhu cầu, thói quen, mức độ thỏa mãn của công chúng đối với tác phẩm báo hình trên mạng xã hội. Đồng thời, nắm được ưu, nhược điểm của tác phẩm báo hình trên mạng xã hội, đề ra những giải pháp nâng cao chất lượng để tác phẩm báo truyền hình trên mạng xã hội phát triển hiệu quả hơn. Từ đó nâng cao được vai trò của ngành truyền hình nói riêng và báo chí Việt Nam nói chung trong thời đại công nghệ số.
49		Truyền thông chính sách tự chủ đại học trên báo Giáo dục và Thời đại online, tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam, báo dân sự và sự phản hồi của một số nhóm công chúng tại tỉnh Thừa Thiên Huế	Trương Thị Đào	Hoàng Lê Thuý Nga	Nhằm đánh giá, phân tích vấn đề truyền thông chính sách Tự chủ của đại học trên báo Giáo dục và Thời đại Online, Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam và báo Dân trí Online. Qua đó, đánh giá sự phản hồi của một số nhóm công chúng tỉnh Thừa Thiên Huế và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách tự chủ đại học trên báo Giáo dục và Thời đại Online, Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam và báo Dân trí Online.
50		Thông tin về vấn đề lao động và việc làm trên báo Thanh niên online hiện nay	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Hồ Thị Diệu Trang	Mục đích của khóa luận này là nghiên cứu và đánh giá chất lượng thông tin về lao động và việc làm trên báo Thanh niên online và báo Người lao động online, nâng cao nhận thức về vai trò của báo chí trong cung cấp thông tin về lao động và việc làm, đánh giá tác

					động của thông tin này đến người đọc và đưa ra giải pháp nhằm cải thiện chất lượng thông tin và nâng cao giá trị thực tiễn của thông tin về lao động và việc làm trên các báo điện tử.
51		Phương thức sản xuất chương trình ‘Sắc màu các dân tộc’ trên VTV8	Lê Thị Kim Ngân	Trần Thị Phương Nhung	Thông qua việc tìm hiểu phương thức sản xuất chương trình Sắc màu các dân tộc trên VTV8, khóa luận này cung cấp cái nhìn toàn diện và chân thực cho những ai quan tâm đến chương trình này, để người xem có thể theo dõi được quá trình xây dựng và phát triển cũng như đi sâu vào tìm hiểu rõ hơn về phương thức sản xuất của chương trình. Đồng thời, giúp các nhà sản xuất nhận thức được các yếu tố phù hợp cho việc xây dựng một chương trình văn hóa nói chung không chỉ riêng “Sắc màu các dân tộc”.
52		Tác phẩm emagazine trên báo điện tử Quảng Nam Online	Lê Bá Phước An	Lê Quang Minh	Nghiên cứu để thấy được quá trình đăng tải, mức độ đăng tải, chất lượng cũng như nội dung đăng tải liên quan đến Emagazine và tác động của chuyên mục Emagazine tới độc giả. Trong khuôn khổ đề tài, nghiên cứu đề tài này khảo sát từ năm 2022 – 2023. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng để nâng cao hiệu quả tác động của Emagazine trên báo Quảng Nam.
53		Thông tin du lịch trên Báo Quảng Trị online	Võ Thị Hồng Ngọc	Hồ Dũng	Mục đích khi thực hiện đề tài khóa luận Thông tin du lịch trên báo Quảng Trị Online là nghiên cứu thực trạng về thông tin du lịch được đăng tải trên báo Quảng Trị Online, bao gồm nội dung, hình thức, cũng như hoạt động sản xuất các tin, bài. Từ đó, tiến hành đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng khi chuyển tải thông tin du lịch trên

					báo Quảng Trị Online.
54		Tác phẩm Podcast trên Báo Quảng Nam online	Trần Thị Huyền Trang	Hồ Dũng	Khóa luận Tác phẩm Podcast trên báo Quảng Nam Online tập trung nghiên cứu thực trạng tác phẩm Podcast về nội dung, hình thức và phương thức sản xuất tác phẩm. Từ đó, tiến hành đề xuất giải pháp để nâng cao chất lượng tác phẩm Podcast trên báo Quảng Nam online.
55		Phát triển công chúng Báo Thanh niên qua mạng xã hội TikTok	Hoàng Thị Diệu Ái	Lê Nguyễn Phương Thảo	Khóa luận với đề tài “Phát triển công chúng báo Thanh Niên qua mạng xã hội TikTok hiện nay” sẽ tập trung nghiên cứu hoạt động phát triển công chúng trên TikTok báo Thanh Niên, bao gồm các nội dung: Thứ nhất, làm rõ những vấn đề lý luận của đề tài. Thứ hai, nghiên cứu thực trạng phát triển công chúng báo Thanh Niên qua nền tảng TikTok hiện nay. Thứ ba, đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phát triển công chúng của báo Thanh Niên.
56	Dại học/ Khoa Địa lý –Địa chất	Đánh giá điều kiện địa chất công trình và đề xuất giải pháp móng hợp lý cho công trình Trung tâm Phụ sản, Bệnh viện Trung ương Huế	Phạm Thanh Phương Minh	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Bệnh viện Trung ương Huế là một trong những đơn vị dẫn đầu cả nước về số lượng dịch vụ kỹ thuật được áp dụng trong khám, chữa bệnh của tất cả các chuyên khoa. Để đạt được mục tiêu xây dựng “Trung tâm y học cao cấp, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, có thương hiệu quốc tế”,

				một trong những giải pháp hàng đầu đó là xây dựng được một hệ thống khám chữa bệnh hoàn chỉnh với cơ sở vật chất khang trang. Trong đó, xây dựng công trình Trung tâm Sản phụ khoa là một trong những nhiệm vụ cấp thiết, đem đến một diện mạo mới cho Bệnh viện Trung ương Huế nhằm bảo đảm cơ sở vật chất, hạ tầng đồng bộ hiện đại để đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản của người dân tỉnh Thừa Thiên Huế và khu vực miền Trung - Tây Nguyên Việt Nam. Với đề tài này, tác giả tiến hành đánh giá điều kiện địa chất công trình khu đất dự định xây dựng công trình Trung tâm Sản phụ khoa - Bệnh viện Trung ương Huế, làm rõ đặc điểm cấu trúc nền đất, đánh giá tính năng xây dựng các lớp đất đá thuộc cấu trúc nền khu vực nghiên cứu. Từ đó, cung cấp các số liệu cần thiết phục vụ cho công tác thiết kế, áp dụng các phương pháp tính toán lý thuyết của Cơ học đất, Nền và Móng để đề xuất giải pháp móng hợp lý cho công trình; cung cấp các thông tin địa chất công trình phục vụ thiết kế phương án khảo sát cho giai đoạn thiết kế kỹ thuật và lập bản vẽ thi công của công trình dự định xây dựng. Kết quả nghiên cứu cho thấy khu đất dự định xây dựng công trình Trung tâm Sản phụ khoa - Bệnh viện Trung ương Huế nằm trong trung tâm thành phố Huế, thuộc phần hạ lưu sông Hương nên địa hình khá bằng phẳng, thuận lợi cho giao thông, vận chuyển vật liệu xây dựng và thi công công trình. Cấu trúc đất nền
--	--	--	--	--

					trong khu vực nghiên cứu khá phức tạp bao gồm nhiều lớp, thấu kính có bề dày, thành phần, trạng thái, tính chất... thay đổi mạnh theo diện và chiều sâu, từ lớp đất (4) trở xuống đất có tính năng xây dựng từ tương đối tốt đến tốt nên thuận lợi cho việc đặt móng cho công trình. Việc đề xuất giải pháp móng móng cọc ma sát bằng bê tông cốt thép, cọc dài 20m, mũi cọc cắm vào lớp đất (5) - Cát pha màu xám vàng, nâu đỏ, xám trắng lẫn dăm sạn trạng thái nửa cứng có tính năng xây dựng tốt là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo về kinh tế và kỹ thuật của công trình.
57		Nghiên cứu một số tính chất cơ lý của hỗn hợp xỉ hạt lò cao và cát tự nhiên làm vật liệu cải tạo đất nền bằng phương pháp cọc cát đầm chặt	Lê Văn Đức	Trần Thanh Nhân	Đề tài khóa luận tập trung nghiên cứu những tính chất cơ lý của đất loại cát làm vật liệu thi công giải pháp cải tạo nền đất yếu bằng phương pháp cọc cát đầm chặt. Trên cơ sở đó, đề tài so sánh các tính chất này giữa vật liệu cát tự nhiên với xỉ hạt lò cao nhằm đánh giá khả năng sử dụng của xỉ hạt lò cao và đề xuất tỷ lệ phối trộn phù hợp giữa hai loại vật liệu. Ngoài tính cấp thiết, mục tiêu, phương pháp, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, nội dung nghiên cứu của khóa luận được trình bày trong 03 chương. Chương 1 trình bày tổng quan về cát tự nhiên, xỉ hạt lò cao và phương pháp cải tạo đất nền bằng cọc cát đầm chặt. Chương 2 trình bày các phương pháp thí nghiệm và tiêu chuẩn áp dụng để nghiên cứu một số tính chất cơ lý của cát tự nhiên, xỉ hạt lò cao, hỗn hợp xỉ hạt lò cao và cát tự nhiên nghiên cứu. Chương 3 trình bày kết quả thí nghiệm của cát tự nhiên, xỉ hạt lò cao, hỗn hợp xỉ hạt lò cao và cát tự nhiên

					nghiên cứu. Từ đó đề tài kết luận kết quả nghiên cứu, có thể lựa chọn cấp phối mẫu với tỷ lệ phối trộn 60 % xỉ - 40 % cát để thay thế hoàn toàn vật liệu cát trong quá trình cải tạo đất bằng phương pháp cọc cát. Mẫu phối trộn này đảm bảo tính thấm ($K = 10^{-3}$ m/s) và cường độ kháng nén 1 trục tốt nhất ($q_u = 6,879$ kN/m²). Bước đầu nghiên cứu, sử dụng xỉ hạt lò cao là một phương án thay thế vật liệu xây dựng cát tự nhiên trong phương pháp cọc cát đầm chặt. Đồng thời kết quả nghiên cứu một số tính chất cơ lý của hỗn hợp xỉ hạt lò cao và cát tự nhiên làm vật liệu cải tạo đất nền bằng phương pháp cọc cát đầm chặt là cơ sở để ứng dụng, giải quyết vấn đề về môi trường và phát triển kinh tế các mảng khác của đất nước.
58		Nghiên cứu một số tính chất cơ lý của hỗn hợp bentonite-gellan gum phục vụ gia cố thành hố đào	Nguyễn Nhật Tuấn	Trần Thị Phương An	Cải tạo đất sử dụng biopolymer được xem là phương pháp kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực cải tạo đất nền. Các biopolymer như agar, xanthan, guar gum là những biopolymer được sử dụng phổ biến trong cải tạo độ bền, giảm tính thấm và kiểm soát bụi từ đất. Trong nghiên cứu này, ảnh hưởng của gellan gum đến độ bền của dung dịch sét bentonite được nghiên cứu. Các thí nghiệm nén một trục nở hông, thí nghiệm xác định độ phân rã đã được thực hiện với hàm lượng gellan gum (2~7%), thời gian gia nhiệt, và nhiệt độ khác nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy mạng lưới liên kết gellan gum với đất sét đã tạo nên sự thay đổi trong độ bền kháng nén một trục và khả năng phân rã của mẫu trong môi trường nước. Chất dẻo sinh học gellan gum có thể

					cải thiện độ bền của bentonite, mẫu có hàm lượng bentonite/gellan gum 2% không thay đổi độ bền của mẫu sét. Trong khi hàm lượng bentonite/gellan gum 7% là nồng độ gellan gum cao nhất của thí nghiệm. Mẫu có hàm lượng 3% gellan gum trở lên sẽ tạo ra những hiệu quả trong cải tạo bùn sét bentonite. Thêm vào đó, nhiệt độ gia nhiệt càng cao thì độ bền nén một trục nở hông càng cao. Thời gian hỗn hợp GG sấy càng lâu tốc độ phân rã ở môi trường nước càng thấp. Cũng ở trong nghiên cứu này, ảnh hưởng của hỗn hợp gellan gum-bentonite đến ổn định thành hố đào trong trường hợp khẩn cấp được đánh giá thông qua phần mềm FLAC2D. Hàm lượng gellan gum và bề dày của lớp xử lý là 2 yếu tố được xem xét. Kết quả thu được từ phần mềm sẽ hỗ trợ cho việc đánh giá khả năng ứng dụng của gellan gum biopolymer trong gia cố hố đào. Có thể kết luận rằng Bề dày lớp cần xử lý càng lớn thì giá trị ổn định mái dốc càng cao. Hàm lượng gellan gum càng lớn thì độ ổn định cũng tăng. Kết quả thu được chỉ ra rằng dung dịch bentonite xử lý bởi GG chỉ kiến nghị sử dụng cho trường hợp khẩn cấp hoặc ổn định tạm thời tường khai đào và bề mặt mái dốc, độ ổn định cao.
59		Nghiên cứu điều kiện sinh khí hậu phục vụ phát triển du lịch biển tỉnh Quảng Trị	Bùi Thị Quý	Trần Ánh Hằng	Khoá luận đã hệ thống hoá được cơ sở lý luận phục vụ nghiên cứu, đánh giá điều kiện SKH cho phát triển du lịch biển của lãnh thổ nghiên cứu. Dựa vào 3 chỉ tiêu: Lượng mưa, số ngày mưa, tốc độ gió; Tiến hành đánh giá mức độ thuận lợi điều kiện SKH đối với du lịch biển tỉnh Quảng Trị cho 4 khu vực: biển

					Cửa Tùng (25 điểm), biển Cửa Tùng, biển Cửa Việt, biển Mỹ Thủy và đảo Cồn Cỏ. Kết quả đánh giá cho thấy: biển Cửa Việt (22 điểm), đảo Cồn Cỏ (22 điểm) khá thuận lợi cho phát triển du lịch biển, biển Mỹ Thủy (16 điểm) chưa thực sự thuận lợi cho phát triển du lịch biển. Từ kết quả đánh giá đã đưa ra những giải pháp phù hợp cho phát triển du lịch biển tỉnh Quảng Trị.
60		Nghiên cứu thực trạng phát triển nông nghiệp hữu cơ theo hệ thống bảo đảm cùng tham gia (PGS) ở huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Hoàng Nhơn Thành	Trần Ánh Hằng	Huyện Quảng Điền là một huyện thuần nông nên sản xuất nông nghiệp được coi là ngành sản xuất quan trọng. Được sự quan tâm của Tỉnh, ngành chuyên môn, sự nỗ lực của nông dân, các cấp chính quyền và hợp tác xã trên địa bàn Huyện đã chỉ đạo sản xuất sâu sát, nhay bén, vượt qua khó khăn phát triển nông nghiệp khá toàn diện và bền vững. Tìm hiểu hiện trạng phát triển nông nghiệp hữu cơ và đưa ra giải pháp phát triển ở huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ việc phân tích thực trạng đưa ra được những thuận lợi cũng như bất cập trong phát triển nông nghiệp hữu cơ ở huyện Quảng Điền từ đó đánh giá hiệu quả mô hình rau ở ba vườn rau định lượng hay định tính để đưa ra các giải pháp phát triển hiệu quả các mô hình.
61		Ứng dụng viễn thám và GIS trong nghiên cứu biến động đường bờ biển tỉnh Quảng Trị	Nguyễn Thị Thảo Ly	Nguyễn Quang Tuấn	Khóa luận đã tổng quan những cơ sở lý luận và thực tiễn về nghiên cứu biến động đường bờ biển tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 – 2022. Trên cơ sở đó, đã lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp để thực hiện đề tài. Tỉnh Quảng Trị là một địa phương có sự biến đổi về đường bờ biển khá mạnh dưới tác động của biến đổi khí hậu. Kết quả của quá

					trình nghiên cứu dựa vào ứng dụng viễn thám và GIS là bản đồ biến động đường bờ biển tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 – 2022. Từ đó phân tích và đưa ra giải pháp để bảo vệ đường bờ và thích ứng với biến đổi khí hậu.
62		Ứng dụng GIS Cloud phục vụ công tác quản lý đất đai tại xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đặng Thị Lanh	Lê Đình Thuận	Nghiên cứu được tiến hành trên địa bàn xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, từ tờ bản đồ địa chính số 16 với 470 thửa đất, nhằm xây dựng bản đồ theo hồ sơ địa chính phục vụ trong công tác quản lý đất đai. Nghiên cứu đã xác định các chỉ tiêu để xây dựng cơ sở dữ liệu gồm: tên chủ sử dụng đất, mục đích sử dụng đất (loại đất), thông tin thửa đất, diện tích thửa, từ đó xây dựng dữ liệu trên ArcGIS Desktop và sử dụng GIS CLOUD để lưu trữ và chia sẻ các thông tin dữ liệu về đất đai. Kết quả thu được cơ sở dữ liệu đất đai từ tờ bản đồ địa chính số 16 trên GIS Cloud thuận lợi cho việc quản lý cũng như chia sẻ dữ liệu. Cung cấp nhanh chóng, chính xác và đầy đủ thông tin về từng thửa đất trên hệ thống ArcGIS Desktop và GIS Cloud ở bất kì thời điểm nào, bất kỳ nơi đâu nếu có Internet, nhằm phục vụ tốt trong công tác quản lý nhà nước về đất đai.
63		Đánh giá hiệu quả sử dụng đất trồng cây hàng năm ở huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Nguyễn Thị Dung	Bùi Thị Thu	Khóa luận đã tổng quan những cơ sở lý luận và thực tiễn về nghiên cứu SĐĐ SXNN và đất trồng cây hàng năm. Trên cơ sở đó, đã lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài. Huyện Lệ Thủy là một địa phương có thế mạnh về SXNN. Kết quả đánh giá hiệu quả sử dụng các loại hình SĐĐ phổ biến ở địa bàn cho thấy: loại hình SĐĐ trồng lúa có hiệu quả trung bình và loại hình SĐĐ trồng

					rau có hiệu quả cao (lúa: 2,06 điểm, rau màu: 2,63 điểm). Kết quả đánh giá này đã phản ánh đúng tình hình thực tế sản xuất cây trồng hàng năm. Từ kết quả đánh giá đã đưa ra được những giải pháp phù hợp cho nông nghiệp huyện Lệ Thủy
64		Tình hình quản lý đất đai ở thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đặng Anh Hùng	Bùi Thị Thu	Khóa luận đã tổng quan đánh giá thực trạng và giải pháp QLNN về đất đai ở thị xã Hương Thủy. Kết quả phân tích thực trạng QLDD ở thị xã Hương Thủy theo 15 nội dung QLNN về đất đai cho thấy, các công tác đều đã được thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng pháp luật góp phần nâng cao hiệu quả QLDD, giảm thiểu các vi phạm trong quá trình quản lý và SDD, đảm bảo an sinh xã hội. . Dựa vào cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học và thực tiễn, một số giải pháp được đề xuất nhằm tăng cường công tác QLNN về đất đai ở địa phương hiệu quả hơn.
69		Đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế	Nguyễn Văn Phú	Phan Anh Hằng	Khóa luận đã tổng quan những cơ sở lý luận và thực tiễn về nghiên cứu SDD sản xuất nông nghiệp và đất trồng lúa. Trên cơ sở đó, đã lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài. Hương Thủy là một thị xã trọng điểm trồng lúa của tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả đánh giá hiệu quả sử dụng đất trồng lúa ở địa bàn nghiên cứu theo thang điểm tổng hợp và bài toán trung bình nhân cho thấy cây lúa có hiệu quả TB (2,3 điểm). Kết quả đánh giá này đã phản ánh đúng tình hình thực tế sản xuất lúa gạo ở thị xã Hương Thủy.
70		Ứng dụng ArcGIS Online	Vilaythong	Đỗ Thị Việt Hương	Ứng dụng ArcGIS Online trong xây dựng

		trong xây dựng bản đồ thông tin ngập lụt ở thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	Thepphasin		bản đồ mốc báo lũ tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế là một quá trình nghiên cứu và thực hiện việc xây dựng bản đồ trực tuyến trên ArcGIS Online có thể tạo được nhiều bản đồ khác nhau tùy theo mục đích sử dụng. Triển khai sử dụng ArcGIS Survey123 thu thập các thông tin dữ liệu các vết lũ lịch sử xây dựng trên ArcGIS Desktop sẽ được tổng hợp, chỉnh sửa và biên tập trên ArcGIS Online.
71		Nghiên cứu biến động sử dụng đất giai đoạn 2010 - 2020 ở thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	Phoxayyavong Onmeexay	Trương Đình Trọng	Trên cơ sở phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sử dụng đất và thực trạng sử dụng đất nông nghiệp ở thị xã Hương Trà qua các năm: 2010, 2025, 2020; đề tài đã tiến hành phân tích biến động sử dụng đất nông nghiệp các giai đoạn: 2010 – 2015, 2015 – 2020 và chung cả giai đoạn 2010 – 2020 theo từng loại hình sử dụng đất nông nghiệp và theo các xã, phường. Kết quả phân tích cho thấy xu hướng chung của biến động là giảm diện tích đất nông nghiệp, chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp, trong đó đất trồng lúa và cây hàng năm giảm mạnh ở các xã, phường đồng bằng và đất trồng cây lâu năm có tăng ở các xã đồi núi. Từ đó đề tài đã đề xuất 09 giải pháp cho quản lý, sử dụng đất nông nghiệp bền vững ở khu vực nghiên cứu.
72		Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 ở thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	Lê Đình Thuận	Trương Đình Trọng	Việc lập quy hoạch sử dụng đất có các chức năng và vai trò rất quan trọng, tạo ra các điều kiện lãnh thổ cần thiết để tổ chức sử dụng đất đạt hiệu quả cao. Kết quả nghiên cứu đề tài đã phân tích, đánh giá hiệu quả công tác lập và thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất ở thị xã Hương Trà giai đoạn 2011 –

					2020. Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực cho việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả, đặc biệt là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Tuy nhiên, việc thực hiện một số chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất vẫn chưa đạt, trong đó đáng kể là đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng. Từ đó, đề tài đã rút ra các bài học kinh nghiệm nhằm nâng cao tính khả thi của các phương án quy hoạch sử dụng đất kỳ tiếp theo.
73	Dại học/ Khoa Điện, Điện tử và CNVL	Tìm hiểu về mạng wifi và ứng dụng thiết kế phủ sóng wifi cho tòa nhà	Đinh Như Thành Đạt	Hoàng Đại Long	Tìm hiểu về các chuẩn công nghệ không dây wifi. Mô phỏng, thiết kế phủ sóng wifi cho một tòa nhà làm việc
74		Tìm hiểu về IoT và ứng dụng xây dựng hệ thống nuôi chim yến giám sát điều khiển từ xa.	Phan Hữu Minh Hiếu	Hoàng Đại Long	Tìm hiểu về công nghệ và các ứng dụng của IoT. Xây dựng hệ thống ứng dụng IoT để nuôi chim yến giám sát từ xa.
75		Tìm hiểu về blockchain và ứng dụng xây dựng website đấu giá.	Trần Kim Hiếu	Hoàng Đại Long	Tìm hiểu về công nghệ và các ứng dụng của blockchain. Xây dựng website đấu giá sử dụng công nghệ blockchain.
76		Tìm hiểu về IoT và ứng dụng xây dựng hệ thống nuôi chim yến giám sát điều khiển từ xa.	Hoàng Nhật Long	Hoàng Đại Long	Tìm hiểu về công nghệ và các ứng dụng của IoT. Xây dựng hệ thống ứng dụng IoT để nuôi chim yến giám sát từ xa.
77		Tìm hiểu kiến trúc hạ tầng mạng internet của nhà cung cấp FPT	Huỳnh Phạm Anh Hào	Phan Hải Phong	Giới thiệu sơ lược về dịch vụ và hạ tầng công ty FPT. Giới thiệu về FTEL, tổng quan mô hình FTEL, mô hình FTEL ACCESS NETWORK, mô tả các dịch vụ kỹ thuật. Tìm hiểu chính về các công nghệ và hạ tầng dịch vụ mạng FPT,

					tìm hiểu về mạng EPON trong hạ tầng FPT.
78		Tìm hiểu về IPTV và phương thức truyền dẫn tín hiệu truyền hình IPTV trên hạ tầng mạng của công ty FPT	Đặng Đức Huy	Phan Hải Phong	Giới thiệu sơ lược về dịch vụ và hạ tầng công ty FPT. Truyền hình của FPT tích hợp hai nền tảng công nghệ IPTV và OTT trên cùng một thiết bị. Đồ án này tìm hiểu về nền tảng chính là công nghệ IPTV, và cách truyền dẫn tín hiệu truyền hình IPTV chạy trên hạ tầng của FPT
79		Tìm hiểu kiến trúc hạ tầng mạng internet của nhà cung cấp FPT	Châu Quốc Bình Minh	Phan Hải Phong	
80		Quy trình xử lý bảo trì của nhà mạng FPT	Trần Văn Hải	Vương Quang Phước	Cách xử lý tín hiệu cho khách hàng bị mất tín hoặc suy hao về tín hiệu khi truyền trên sợi quang
81		Thiết kế và vận hành hệ thống phủ sóng viễn thông cho tòa nhà cao tầng ibs	Nguyễn Hữu Lĩnh	Vương Quang Phước	Trình bày quy trình khảo sát, thiết kế, kiểm định chất lượng và vận hành, bảo trì hệ thống phủ sóng điện thoại di động cho một tòa nhà mẫu từ đó có thể triển khai rộng cho các tòa nhà cao tầng khác.
82		Thiết kế bộ Equalizer cho hệ thống thông tin sợi quang khoảng cách ngắn	Nguyễn Thế Thành	Vương Quang Phước	Bộ equalizer dùng để cải thiện chất lượng tín hiệu bị suy hao, nhiễu,... khi truyền trên sợi quang
83		Kiểm thử phần mềm trên website thương mại điện tử PiFood	Nguyễn Hữu Tuyên	Vương Quang Phước	Kiểm thử để tìm ra lỗi của ứng dụng web thương mại điện tử PiFood (https://pifood.net/). Đưa ra giải pháp cho các lỗi để hoàn thiện hệ thống ứng dụng vào thực tế
84		Vấn đề an ninh mạng, các cuộc tấn công thường gặp và biện pháp phòng tránh	Lê Phước Tùng	Vương Quang Phước	Nêu các vấn đề về an ninh mạng hiện nay. Các cuộc tấn công thường xuyên gặp phải trên không gian mạng. Cách phát hiện cách cuộc tấn công đó. Đưa ra một số biện pháp

					phòng tránh.
85		Thiết lập và kết nối mạng doanh nghiệp sử dụng các giao thức kết nối VPN	Lê Quý Quốc Đạt	Hồ Đức Tâm Linh	Bài báo cáo về Thiết lập và kết nối mạng doanh nghiệp sử dụng các giao thức kết nối VPN nhấn mạnh sự quan trọng của việc thiết lập kết nối mạng an toàn và bảo mật để bảo vệ dữ liệu và thông tin của doanh nghiệp. Báo cáo trình bày các khái niệm cơ bản liên quan đến VPN và các giao thức kết nối VPN, bao gồm PPTP, L2TP/IPSec, SSTP và OpenVPN. Đưa ra hướng dẫn chi tiết về cách cài đặt và thiết lập VPN trên Cisco Packet Tracer và trên thiết bị modem wifi. Bên cạnh đó triển khai thêm dịch vụ VoIP trên Router cisco và một số dịch vụ trên Server: DNS, Mail server, FTP server.
86		Triển khai ứng dụng và dịch vụ web server	Ngô Văn Toàn	Hồ Đức Tâm Linh	Tìm hiểu về Web server thông dụng nhất hiện nay: Microsoft Internet Information Service (IIS). Trình bày về đặc điểm, khả năng, cài đặt, vận hành, hỗ trợ các ứng dụng Web của IIS. Sử dụng các kiến thức đã được học như IP, Domain name, NAT... kết hợp với công nghệ ảo hóa của VMWare đang là một trong những xu hướng hot hiện nay để tạo ra web server sử dụng giao thức HTTPS với độ bảo mật cao cho người dùng. Web server có dịch vụ là một website xem phim trực tuyến với các chức năng giới thiệu phim, xem phim online, cung cấp kho phim hay và độc đáo giúp mọi người có thể thưởng thức những bộ phim với chất lượng tốt nhất.
87		Thiết kế bộ định tuyến hai mode ứng dụng trong mạng ghép kênh phân	Hồ Văn Trường	Hồ Đức Tâm Linh	Thiết kế gồm hai bộ giao thoa đa mode MMI cải tiến ghép nối với một bộ ghép nối định hướng hình chữ Y, bộ lệch pha để tạo nên

		chia theo mode			một bộ định tuyến mode và hai mode (TE0 và TE1). Với thiết bị này đầu vào sử dụng hai mode (TE0 và TE1) ta có thể điều chỉnh mode theo ý muốn ở đầu ra với hiệu suất cao (72-95%), qua đó giảm bớt tình trạng quá tải kênh truyền. Nhiều giữa các mode xấp xỉ bằng 0. Tại bước sóng trung tâm 1540 nm và 1550 nm, hiệu suất chuyển đổi quang luôn đạt trên 91% và nhiễu ảnh hưởng giữa các kênh luôn nhỏ hơn 1% ở tất cả các trường hợp được khảo sát. Cấu trúc thiết kế này mở ra một hướng nghiên cứu mới kết hợp giữa kỹ thuật WDM và MDM để tăng dung
88		Thiết kế bộ ghép kênh kết hợp hai mode và hai bước sóng trên cùng một chip quang tử	Hồ Xuân Trường	Hồ Đức Tâm Linh	Thiết kế thiết bị có khả năng kết hợp đồng thời hai kỹ thuật ghép kênh theo bước sóng (WDM) và ghép kênh theo mode (MDM) dựa trên nền vật liệu SOI (Silicon on Insulator). Thiết kế gồm hai bộ giao thoa đa mode MMI cải tiến ghép nối với một bộ ghép nối định hướng hình chữ Y để tạo nên một bộ ghép kênh hai bước sóng (1310 nm và 1490 nm) và hai mode (TE0 và TE1). Thông qua phương pháp truyền chùm tia ba chiều 3D-BPM và phương pháp chỉ số hiệu dụng EIM, thiết bị đề xuất đã chứng minh được khả năng hoạt động trong độ rộng băng lên đến 40 nm. Tại bước sóng trung tâm 1310 nm và 1490 nm, hiệu suất chuyển đổi quang luôn đạt trên 96% và nhiễu ảnh hưởng giữa các kênh luôn nhỏ hơn 1% ở tất cả các trường hợp được khảo sát. Cấu trúc thiết kế này mở ra một hướng nghiên cứu mới kết hợp giữa kỹ thuật WDM và MDM để tăng dung lượng kênh truyền cho hệ thống thông tin quang trên

					chip.
89		Cấu hình bảo mật trên các thiết bị mạng cho doanh nghiệp	Huỳnh Kim Trường	Hồ Đức Tâm Linh	An ninh thông tin và an ninh mạng đang là vấn đề được quan tâm trên toàn thế giới. Với sự phát triển của mạng Internet như hiện nay, chúng ta cần đảm bảo an toàn cho các thông tin là điều cần thiết. Việc xây dựng hệ thống firewall ASA là điều cần thiết và cũng đang được nghiên cứu, phát triển và sử dụng rộng rãi.
90		Nhận diện biển số xe	Phùng Hoàng Bách	Khổng Thị Thu Thảo	Nghiên cứu và sử dụng mô hình mạng nơ-ron tích chập (CNN) để tách và nhận dạng ký tự trong biển số xe
91		Phân biệt độ tuổi thông qua nhận diện khuôn mặt	Nguyễn Minh Châu	Khổng Thị Thu Thảo	Tìm hiểu nghiên cứu mô hình Googlenet cho bài toán xác định độ tuổi thông qua khuôn mặt
92		Nghiên cứu mô hình MobileNet cho ứng dụng phân loại ảnh	Nguyễn Văn Hoàn	Khổng Thị Thu Thảo	Tìm hiểu và nghiên cứu mô hình MobileNet - 1 mô hình CNN nhẹ và độ chính xác cao. Áp dụng phân loại hình ảnh từ tập dữ liệu CIFAR-10.
93		Nghiên cứu mô hình mạng nơ ron cho ứng dụng nhận diện chữ số viết tay	Bùi Ngọc Kha	Khổng Thị Thu Thảo	Tìm hiểu và nghiên cứu mô hình Lenet-5 cho bài toán nhận dạng chữ số viết tay trên tập dữ liệu MNIST.
94		Phân biệt giới tính thông qua nhận diện khuôn mặt	Nguyễn Đình Phong	Khổng Thị Thu Thảo	Tìm hiểu nghiên cứu mô hình Resnet - 1 mô hình CNN với độ chính xác nhận diện cao - cho bài toán xác định giới tính bằng khuôn mặt
95		Nhận diện biển số xe	Hồ Chấn Viễn	Khổng Thị Thu Thảo	Tìm hiểu nghiên cứu về mô hình yolo, các phương pháp dò biên ảnh để nhận dạng biển số xe từ hình ảnh được chụp bằng camera.
96		Tìm hiểu PLC và ứng	Nguyễn Thanh	Lê Văn Thanh Vũ	Tìm hiểu PLC và công cụ lập trình

		dùng điều khiển thang máy	Điền		Nghiên cứu hoạt động của hệ thang máy kín Thực nghiệm sử dụng PLC điều khiển hoạt động thang máy kín
97		Nghiên cứu cơ chế điều khiển kết nối khối LoRa ứng dụng kết nối đa điểm	Phạm Đức Hải	Lê Văn Thanh Vũ	Tìm hiểu về AVR và chip thu phát LoRa Quy trình điều khiển thu phát và lập trình điều khiển thu phát đa điểm
98		Tìm hiểu phương thức xử lý cơ sở dữ liệu đám mây Azure	Lê Đức Cảnh Hùng	Lê Văn Thanh Vũ	Tìm hiểu nền tảng Azure Cloud và ứng dụng quản lý CSDL và cập nhật nội dung trực tuyến
99		Tìm hiểu mô hình Instant NGP để tái tạo mô hình 3D từ ảnh 2D	Lê Thị My Na	Lê Văn Thanh Vũ	Tìm hiểu về AI định hướng tái tạo hình ảnh 3D Nghiên cứu giải pháp băm đa độ phân giải bằng hàm HASH
100		Tìm hiểu về Azure cloud và triển khai cập nhật dữ liệu thời gian thực	Võ Đức Phúc	Lê Văn Thanh Vũ	Tìm hiểu nền tảng Azure Cloud và phương thức triển khai hoạt động cập nhật thông tin trực tuyến thời gian thực
101		Tìm hiểu mô hình Instant NGP để tái tạo mô hình 3D từ ảnh 2D	Lê Viết Nguyên Trường	Lê Văn Thanh Vũ	Tìm hiểu về AI định hướng tái tạo hình ảnh 3D Nghiên cứu giải pháp băm đa độ phân giải bằng hàm HASH
102		Nghiên cứu thuật toán Deep Learning sử dụng cho tái tạo 3D từ ảnh 2D.	Trần Quang Vinh	Nguyễn Đức Nhật Quang	Tìm hiểu thuật toán NeRF và Instant-NGP trong việc tái tạo 3D từ ảnh 2D.
103		Plenoxel: Trường bức xạ không dùng mạng Neural	Lê Thị Mỹ Gấm	Nguyễn Văn Ân	- Thu thập dữ liệu cảnh vật dưới dạng tập ảnh 2D với nhiều góc chụp khác nhau; - Chuyển đổi dữ liệu sang cấu trúc được hỗ trợ; - Tiến hành huấn luyện dữ liệu đã chuyển đổi bằng việc sử dụng thuật toán Plenoxel; - Sử dụng kết quả sau huấn luyện để tái tạo

					lại cảnh vật dưới dạng 3D; - So sánh, đánh giá chất lượng sau khi tái tạo.
104		Tìm hiểu về mô hình MipNERF 360 áp dụng cho việc tạo cảnh vật có nền rộng	Nguyễn Văn Lượng	Nguyễn Văn Ân	Thu thập dữ liệu cảnh vật từ bên ngoài dưới dạng video hoặc tập ảnh 2D; - Chuyển đổi dữ liệu thu thập được sang dạng dữ liệu được hỗ trợ; - Huấn luyện các mạng MLP từ các dữ liệu sau chuyển đổi để tái tạo lại cảnh vật ban đầu; - So sánh, đánh giá chất lượng sau khi tái tạo.
120	Đại học/ ngành Hóa học	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu CdS/Fe3O4 và đặc trưng	Hoàng Văn Bằng	Nguyễn Đức Vũ Quyên	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu CdS/Fe3O4 và đặc trưng
121		Xây dựng hệ thống thí nghiệm chế độ dòng chảy trong đường ống	Đặng Như Kim Ngân	Bùi Quang Thành	Xây dựng hệ thống thí nghiệm chế độ dòng chảy trong đường ống
122		Nghiên cứu tổng hợp vật liệu trên cơ sở nano carbon từ gỗ cây dó bầu	Ngô Thị Huyền Trang	Trần Thanh Minh	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu trên cơ sở nano carbon từ gỗ cây dó bầu
123		Xác định một số kim loại trong mẫu cá bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	Phùng Thị Hoàng Yến	Trần Thị Ái Mỹ	Xác định một số kim loại trong mẫu cá bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử
124	Đại học/ Khoa Công nghệ thông tin	Tìm hiểu về Firewall và ứng dụng trong 5G-IOT-Icloud và tiến hành mô phỏng.	Nguyễn Hải Long	Võ Thanh Tú	- Tìm hiểu các vấn đề an ninh mạng, một số cách thức xâm nhập và cách bảo vệ. - Tìm hiểu về Firewall và ứng dụng của nó trong Icloud, 5G, Iot và tiến hành mô phỏng chặn web bằng phần mềm Pfsense trên máy ảo Vmware.
125		Tìm hiểu về các giao	Nguyễn Kim Thành	Võ Thanh Tú	Tìm hiểu về các giao thức đóng gói của VPN

		thức hoạt động của Mạng Riêng Ảo và ứng dụng cấu hình máy chủ VPN trên Linux Server.	Tân		như: PPTP, L2TP, IPSec, SSTP và OpenVPN cũng như ưu và nhược điểm của các giao thức này. Từ đó cấu hình máy chủ VPN trên Linux Server với hai mô hình là Site-to-site VPN và Remote Access.
126		Phát hiện và phân loại thức ăn sử dụng CNN.	Lê Anh Thịnh	Nguyễn Đăng Bình	Sử dụng thuật toán CNN để xây dựng mô hình phát hiện và phân loại thức ăn để ứng dụng vào FoRe - Ứng dụng chia sẻ thức ăn.
127		Tìm hiểu các mô hình học sâu dựa trên Neural Radiance Fields trong tái cấu trúc 3D	Huỳnh Trọng Thiện	Lê Quang Chiến	- Trình bày về thuật toán NeRF (Neural radiance Field): Ứng dụng học sâu trong việc tái cấu trúc 3D từ ảnh 2D. - Trình bày về thuật toán cải tiến của NeRF (Plenoxels): loại bỏ mạng học sâu để tăng tốc độ huấn luyện. - Trình bày về thuật toán cải tiến của NeRF (Instant-NGP): sử dụng cấu trúc lưu trữ tối ưu giúp tăng tốc độ huấn luyện và cải thiện kết quả. - Trình bày quá trình thực hiện tái cấu trúc 3D từ ảnh 2D với 2 thuật toán cải tiến của NeRF. - Tìm hiểu và so sánh giữa 2 thuật toán cải tiến của NeRF.
128		Tìm hiểu một số phương pháp tiền xử lý dữ liệu văn bản	Hoàng Thị Diễm Quỳnh	Đoàn Thị Hồng Phước	- Tìm hiểu các kỹ thuật tiền xử lý văn bản. - Tìm hiểu một số phương pháp nhận dạng thể hiện có tên (Name Entity Recognition). - Ứng dụng vào bài toán làm giàu thể hiện ontology (ontology population).
129		Xây dựng chatbot tự động trong quản lý đặt bàn nhà hàng.	Nguyễn Trí Luật	Trần Thanh Lương	- Giới thiệu về chatbot - Chatbot với Nodejs - Xây dựng ứng dụng dựa trên tài liệu do

					facebook cung cấp - Trình bày phần đặt bàn của chatbot nhà hàng. - Trình bày cải tiến và ứng dụng của chatbot.
130		Xây dựng ứng dụng game Sudoku trên Android.	Lê Minh Quân	Trần Thanh Lương	Xây dựng ứng dụng game Sudoku trên Android bằng Java với các chức năng: Đăng ký, Đăng nhập, Đăng xuất, Hỗ trợ màn chơi, Lựa chọn cấp độ chơi, Thống kê.
131		Tăng tốc NeRF trong tái cấu trúc 3D với Multiresolution Hash Encoding.	Đinh Bộ Lĩnh	Nguyễn Ngọc Thủy (1990)	- Giới thiệu về tái cấu trúc 3D với phương pháp NeRF. Ưu và nhược điểm của phương pháp đó - Một số khái niệm liên quan đến phương pháp Multiresolution Hash encoding (MHE) - Áp dụng MHE để cải tiến tốc độ tái cấu trúc cho NeRF. Ưu và nhược điểm của việc áp dụng này. - Trình bày các kết quả thực nghiệm liên quan.
132		Truy xuất thông tin văn bản dựa vào độ tương đồng ngữ nghĩa và ứng dụng.	Lê Thúc Nguyên Thiện	Nguyễn Ngọc Thủy (1990)	- Tổng quan về truy xuất thông tin văn bản - Phân tích bài toán Truy xuất thông tin cho văn bản tiếng Việt + Trình bày các kiến thức liên quan: PhoBERT, SimCSE, metric đo độ tương đồng dot product và cosine similarity + PoC cho bài toán trên Kaggle - Kết luận và các hướng phát triển.
133		Nhận dạng đơn thuốc bằng YOLO.	Lê Ngọc Hoàng	Trần Việt Khoa	- Tìm hiểu và huấn luyện mô hình YOLO để nhận dạng và gán nhãn văn bản trong đơn thuốc. - Sử dụng OpenCV, mô hình VietOCR để xử lý ảnh văn bản biến đổi thành dữ liệu số. - Tích hợp các chức năng vào ứng dụng web

					Flask và deploy lên Azure Web Service.
134		Tìm hiểu một số thuật toán khai phá tập mục lợi ích cao.	Lê Văn Minh Châu	Trương Công Tuấn	- Tổng quan về khai phá dữ liệu - Trình bày các thuật toán khai phá tập mục lợi ích cao: Up-Growth, Up-Growth+, Hui-Miner, FHM - Minh họa các thuật toán.
135		Tìm hiểu ReactJs và áp dụng xây dựng website quản lý dự án cho Công ty Thiết kế và sản xuất đồng phục UniClo.	Trần Thị Mỹ Ngọc	Nguyễn Thanh Tuấn	Sử dụng ReactJs, Firebase xây dựng website quản lý dự án dùng để lên kế hoạch, phân công công việc cho Công ty Thiết kế và sản xuất đồng phục.
136		Phát hiện đối tượng lừa dựa trên thuật toán YOLOv6 và thư viện OpenCV.	Hồ Thị Nhật Trang	Nguyễn Thanh Tuấn	Tìm hiểu về thuật toán YOLOv6 và thư viện OpenCV, ứng dụng vào web Flask phát hiện lừa trên ảnh, video và camera.
137		Xây dựng website bán hàng thời trang.	Nguyễn Phúc Chương	Huỳnh Bảo Quốc Dũng	Xây dựng website bán hàng thời trang đầy đủ các chức năng của trang thương mại điện tử. Có các chức năng như thêm sửa xóa thanh toán các mặt hàng, sửa xóa sản phẩm ...
138		Xây dựng website bán hàng điện tử.	Lê Viết Phốp	Huỳnh Bảo Quốc Dũng	Website bán hàng điện tử GEAR Việt Nam giúp người dùng có thể mua sản phẩm (tai nghe, máy tính, laptop,...) online một cách nhanh chóng và thuận lợi.Sử dụng ngôn ngữ Java web Servlet/JSP.
139		Tìm hiểu về MongoDB và ứng dụng xây dựng website diễn đàn công nghệ.	Huỳnh Thế Hậu	Nguyễn Mậu Hân	Tìm hiểu về MongoDB và ứng dụng xây dựng website diễn đàn công nghệ cho phép người dùng tìm kiếm thông tin, thảo luận.
140		Nghiên cứu về công nghệ ASP.NET core MVC và ứng dụng vào xây dựng	Phan Văn Hiếu	Nguyễn Mậu Hân	Tìm hiểu về công nghệ ASP.NET Core và các công nghệ liên quan, từ đó ứng dụng để xây dựng website phòng tập Gym, với chức

		website phòng tập gym.			năng chính là quản lý, như: quản lý khách hàng, quản lý huấn luyện viên, quản lý các gói tập, và quản lý đăng ký gói tập, thống kê số lượng khách hàng và huấn luyện viên.
141		Tìm hiểu về chữ ký số và ứng dụng trong việc xác thực văn bản điện tử.	Nguyễn Nhật Huy	Nguyễn Mậu Hân	Tìm hiểu cơ sở toán học của lý thuyết mật mã, hệ mật mã khóa công khai RSA và hàm băm SHA-256 để áp dụng vào lược đồ chữ ký số RSA. Xây dựng phần mềm tạo và xác thực chữ ký số để xác thực danh tính người gửi của các văn bản điện tử.
142		Tìm hiểu về Spring Boot và xây dựng website du lịch Thừa Thiên Huế.	Đoàn Văn Minh	Nguyễn Mậu Hân	Tìm hiểu về Spring boot và các công nghệ liên quan để xây dựng website du lịch Thừa Thiên Huế cung cấp các chức năng: Đăng các bài blog, bình luận, đặt tour du lịch, các chức năng quản lý người dùng và quản lý các bài blog theo loại (Địa điểm, thức ăn, nơi ở, tour du lịch)
144		Tìm hiểu công nghệ Spring Boot và ứng dụng xây dựng website quản lý nhà trọ	Nguyễn Như Phước	Nguyễn Mậu Hân	Tìm hiểu về công nghệ java spring boot và các công nghệ liên quan áp dụng vào xây dựng trang web tìm kiếm nhà trọ online. Trang web cho phép người dùng tìm kiếm, xem thông tin, đăng bài cho thuê phòng trọ, đăng bài blog, yêu thích phòng,...
145		Tìm hiểu về công nghệ Flutter và xây dựng từ điển Anh-Việt	Nguyễn Đăng Thuận	Nguyễn Mậu Hân	Tìm hiểu về Flutter framework và sử dụng ngôn ngữ Dart, Flutter, SQLite, Google API để xây dựng ứng dụng từ điển Anh-Việt giúp tra cứu từ vựng (xem phiên âm, dịch nghĩa, nghe phát âm), dịch đoạn văn bản, chuyển văn bản thành giọng nói, ...
146		Tìm hiểu về PHP và FLUTTER để xây dựng ứng dụng đặt taxi	Nguyễn Hữu Tuấn Vỹ	Nguyễn Mậu Hân	Tìm hiểu về Flutter, Laravel nhằm xây dựng hệ thống gọi taxi xe cung cấp các dịch vụ như: Đặt taxi, quản lý lịch sử đặt taxi,

		xe.			Hệ thống đánh giá, các chức năng quản lý người dùng, quản lý vị trí tài xế đang hoạt động,...
147		Xây dựng web đọc truyện	Nguyễn Minh Hoàng	Nguyễn Dũng	Xây dựng hệ thống đọc truyện tranh với API Anime.
148		Ứng dụng di động tìm kiếm phòng trọ	Trương Quốc Huy	Nguyễn Dũng	Tìm hiểu về Flutter và xây dựng ứng dụng di động cho phép người dùng tìm kiếm, rao tin cho thuê, quản lý tin cho thuê phòng trọ, giao tiếp thông qua ứng dụng.
149		Hệ thống hỗ trợ quản lý thư viện và xây dựng thư viện điện tử	Trần Quốc Khang Hy	Nguyễn Dũng	Xây dựng ứng dụng Desktop cho quy trình quản lý thư viện một cách thuận tiện hơn.
150		Xây dựng website quản lý rạp chiếu phim	Trần Đăng Khoa	Nguyễn Dũng	Tìm hiểu công nghệ và xây dựng hệ thống quản lý, đặt vé chiếu phim online.
151		Tìm hiểu NextJS và Firebase để xây dựng trang web mạng xã hội truyện tranh	Hà Phương Hoàng Mai	Nguyễn Dũng	Website giúp tìm kiếm thông tin, giao lưu trao đổi, thảo luận về các bộ truyện tranh
152		Xây dựng ứng dụng đa nền tảng cho phòng khám nha khoa	Lê Nguyễn Trung Phước	Nguyễn Dũng	Xây dựng Website và ứng dụng điện thoại cho phòng khám nha khoa. Giúp quản lý phòng khám tốt hơn và quảng bá thông tin tới với khách hàng. Đơn giản hóa quy trình đặt lịch hẹn khám cũng như theo dõi thông tin khám chữa bệnh của khách hàng thông qua sổ sức khỏe điện tử.
153		Xây dựng trang web học lập trình F8 Education	Nguyễn Đôn Phước	Nguyễn Dũng	Dự án trang web học lập trình F8 Education được xây dựng nhằm giúp cho sinh viên, người trái ngành,... có thể dễ dàng tiếp cận với việc học lập trình để đi làm. Trang web được xây dựng bằng React.js, Node.js, Express.js và MongoDB (MEARN stack).

154		Xây dựng trang web quản lý danh sách anime yêu thích MyListAnime	Bùi Văn Tấn Tài	Nguyễn Dũng	Tìm hiểu về ReactJs, Firebase; Phân tích và thiết kế hệ thống website quản lý danh sách anime yêu thích thông qua Jikan API
155		Xây dựng trang web quản lý bán quần áo online	Lê Minh Tân	Nguyễn Dũng	Tìm hiểu về ReactJs, Strapi, Stripe; Phân tích và thiết kế hệ thống website quản lý bán quần áo online giúp người dùng có thể mua sản phẩm online một cách nhanh chóng và tiện lợi.
156		Xây dựng website luyện nghe tiếng Anh	Võ Xuân An	Trần Nguyên Phong	Website nghe và trả lời câu hỏi dạng nhập liệu, trắc nghiệm và cung cấp tính năng video call giữa 2 user để họ học chung với nhau.
157		Xây dựng website xem phim trực tuyến	Hồ Sĩ Cường	Trần Nguyên Phong	Website xem phim trực tuyến miễn phí và giúp mọi người theo dõi những bộ phim mới ra mắt và nhữn bộ phim hot
158		Hệ thống đặt lịch khám bệnh cho các phòng khám trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Dương Công Đạt	Trần Nguyên Phong	Hệ thống đặt lịch khám bệnh cho người dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Nội dung chính phát triển tập trung vào ứng dụng di động cho bệnh nhân)
159		Xây dựng website kết nối gia sư và phụ huynh - TutorMatch	Nguyễn Thiện Giao	Trần Nguyên Phong	Website giúp phụ huynh tìm kiếm gia sư, lớp học dễ dàng với thông tin rõ ràng. Đây cũng là một phương tiện để các gia sư có thể quảng bá lớp học của mình, thu hút các học viên.
160		Tìm hiểu về Reactjs và thư viện Strapi của nodejs và xây dựng website đọc truyện tranh trực tuyến	Ngô Bá Hân	Trần Nguyên Phong	Phân tích và thiết kế hệ thống đọc truyện trang online cho người dùng và người quản lý. Sử dụng nền tảng Reactjs và Strapi ở nodejs.
161		Hệ thống đặt lịch khám bệnh cho các phòng khám trên địa bàn tỉnh	Phạm Văn Oanh	Trần Nguyên Phong	Hệ thống đặt lịch khám bệnh cho người dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Nội dung chính xây dựng các api cung cấp cho web và

		Thừa Thiên Huế			ứng dụng mobile)
162		Xây dựng website kết nối gia sư và phụ huynh - TutorMatch	Nguyễn Tấn Tài	Trần Nguyên Phong	Website giúp phụ huynh tìm kiếm gia sư, lớp học dễ dàng với thông tin rõ ràng. Đây cũng là một phương tiện để các gia sư có thể quảng bá lớp học của mình, thu hút các học viên.
163		Phần mềm quản lý điểm rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Khoa học.	Võ Tấn Thân	Trần Nguyên Phong	Tìm hiểu spring boot và ứng dụng xây dựng Phần mềm quản lý điểm rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Khoa học.
164		Hệ thống đặt lịch khám bệnh cho các phòng khám trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Nguyễn Thị Minh Thu	Trần Nguyên Phong	Hệ thống đặt lịch khám bệnh cho người dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Nội dung chính xây dựng các api cung cấp cho web và ứng dụng mobile
165		Xây dựng website kết nối gia sư và phụ huynh - TutorMatch	Trần Quốc Tuấn	Trần Nguyên Phong	Website giúp tìm kiếm, kết nối gia sư, giáo viên với các bậc phụ huynh một cách thuận tiện và nhanh chóng hơn trong phạm vi thành phố Huế
166		Xây dựng phần mềm đặt vé xem phim dựa trên JS và PostgreSQL	Trần Hữu Hoàng Giang	Lê Văn Tường Lân	Xây dựng website đặt vé xem phim online để người dùng có thể đặt vé một cách nhanh chóng thuận tiện, người quản trị viên có thể quản lý trực tiếp ngay cả khi sử dụng trên điện thoại di động, sử dụng Reactjs, NestJs, AWS....
167		Nghiên cứu về kiểm thử phần mềm thủ công và ứng dụng trên dự án Pi Food	Lê Thị Bảo Huyền	Lê Văn Tường Lân	Tìm hiểu về kiểm thử thủ công, quy trình kiểm thử phần mềm, kỹ thuật thiết kế testcase và áp dụng kiểm thử cho hệ thống bán thức ăn trực tuyến Pi Food
168		Sử dụng ReactJS và NodeJS xây dựng trang	Tôn Thất Anh Minh	Lê Văn Tường Lân	Website giúp người dùng tìm kiếm, chia sẻ, tải xuống thưởng thức các bài nhạc yêu thích.

		web nghe nhạc trực tuyến.			
169		Xây dựng hệ thống quản lý nhà trọ dựa trên SPRING BOOT và MONGODB.	Nguyễn Đình Nghĩa	Lê Văn Tường Lân	Xây dựng Website quản lý nhà trọ bằng Spring boot và MongoDB. Cung cấp cách quản lý nhanh chóng: Quản lý phòng, quản lý khách hàng, tính tiền phòng, quản lý hóa đơn.
170		Xây dựng hệ thống quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ dựa trên ASP.NET CORE.	Trương Thụy Quang Nhật	Lê Văn Tường Lân	Tìm hiểu Asp.Net và Angular để xây dựng ứng dụng web quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ.
172		Sử dụng DART và FRAMEWORK FLUTTER để xây dựng ứng dụng mạng xã hội ảnh và videos trên Mobile.	Phạm Ngọc Duy Phước	Lê Văn Tường Lân	Ứng dụng mạng xã hội cho người dùng có thể chia sẻ ảnh, video, tương tác, trò chuyện,...
173		Xây dựng hệ thống bán thiết bị điện tử bằng vuejs & Nodejs	Võ Duy Thanh Quyền	Lê Văn Tường Lân	Tìm hiểu về Nodejs, Vuejs, phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu, xây dựng hệ thống quản lý bán thiết bị điện tử.
174		Xây dựng hệ thống ngân hàng máu Blood Bank.	Châu Hoàng Bích Du	Nguyễn Hoàng Hà	Sử dụng Flutter, ReactJs, .NET Core để xây dựng hệ thống ngân hàng máu "Blood Bank" giúp quản lý các danh mục, đăng ký hiến máu, xem tin tức, nhấn tin, tìm đường đi qua bản đồ,...
175		Tìm hiểu Laravel framework và ứng dụng để xây dựng website Tutor Match.	Trần Văn Duy	Nguyễn Hoàng Hà	Tìm hiểu về Laravel lịch sử cũng như cách cài đặt chạy một ứng dụng Laravel cơ bản Và ứng dụng để xây dựng một trang web kết nối giữa phụ huynh và gia sư trong phạm vi thành phố Huế.
176		Xây dựng website đánh cờ vua trực tuyến.	Trương Quang Thành Đông	Nguyễn Hoàng Hà	Website cho phép người dùng chơi cờ vua với người chơi khác và máy tính

177		Xây dựng website thi trắc nghiệm trực tuyến.	Nguyễn Đức Hạnh	Nguyễn Hoàng Hà	Xây dựng website thi trắc nghiệm trực tuyến hỗ trợ việc quản lý và thi cử dành cho bậc đại học.
178		Xây dựng website quản lý khách sạn.	Mai Văn Long	Nguyễn Hoàng Hà	Tìm hiểu về Asp.Net và các công nghệ liên quan để xây dựng một website quản lý khách sạn cung cấp các chức năng như: (Admin) Quản lý khách sạn, phòng, người dùng, thống kê, hóa đơn, đánh giá, tin nhắn. (Client) hiển thị tìm kiếm khách sạn, phòng, đặt phòng, nhắn tin, định vị xem khách sạn trên bản đồ, bình luận đánh giá.
179		Phát triển ứng dụng Blog	Phạm Nguyễn Bảo Quý	Nguyễn Hoàng Hà	Tìm hiểu về Nodejs, ReactJs để phát triển một ứng dụng blog.
180		Xây dựng game Flatforme Unity 2D	Phạm Xuân Sang	Nguyễn Hoàng Hà	Sử dụng Unity2D xây dựng một tựa game nhập vai, trong game có các chương ngại vật (enemy) nhân vật có thể di chuyển chạy nhảy và đánh các enemy khi đánh hết thì có thể qua các level tiếp theo với mức độ khó tăng dần cùng với đó có các hệ thống UI để người chơi có thể tương tác với trò chơi.
181		Xây dựng ứng dụng HueJob's trên di động	Đoàn Quang Thái	Nguyễn Hoàng Hà	Tìm hiểu về Flutter, Supabase và xây ứng dụng tìm việc HueJob's bao gồm các chức năng: tìm kiếm việc làm, ứng tuyển, xem cv, quản lý công việc, quản lý bài viết, nhắn tin, quản lí vị trí nơi làm việc,...
182		Xây dựng website quản lý gia sư	Trần Tiến	Nguyễn Hoàng Hà	Tìm hiểu về spring boot và xây dựng website quản lý gia sư giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm, quản lý thông tin và các hoạt động giảng dạy.
183		Thiết kế website bán thiết	Phạm Đình	Nguyễn Hoàng Hà	Tìm hiểu về .NET Core và ReactJS để thiết

		bị IoT	Trường		kế một website quản lý và bán thiết bị IOT.
184		Tìm hiểu Spring Boot và xây dựng hệ thống đặt lịch hẹn	Trương Đăng Gia Bình	Nguyễn Văn Trung	Tìm hiểu về Spring boot và các công nghệ liên quan để xây dựng một website dùng cho việc đặt lịch hẹn, cung cấp các chức năng: đặt lịch hẹn, xem thông tin, quản lý người dùng, ...
185		Xây dựng website đọc truyện tranh	Thân Trường Giang	Nguyễn Văn Trung	Xây dựng website đọc truyện tranh với mục đích tạo ra một website hỗ trợ người dùng đọc truyện tranh thông qua giao diện trực quan, dễ sử dụng và thuận tiện.
186		Xây dựng hệ thống đặt chỗ và giao Pizza trực tuyến	Nguyễn Đức Hiếu	Nguyễn Văn Trung	Phân tích và thiết kế hệ thống đặt hàng, đặt bàn, thanh toán, giao hàng trực tuyến cho dịch vụ mua bán Pizza online. Sử dụng nền tảng ReactJs, Spring Boot.
187		Xây dựng hệ thống hỗ trợ tìm kiếm phòng trọ	Nguyễn Đăng Quang	Nguyễn Văn Trung	Tìm hiểu Flutter, ReactJS, ExpressJS để xây dựng ứng dụng Hue Accommodation và website kiểm duyệt dữ liệu đầu vào. Ứng dụng hỗ trợ người dùng quản lý phòng trọ, thuê phòng trọ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.
188		Xây dựng web quản lý công thức món ăn	Trần Ngọc Rin	Nguyễn Văn Trung	Website quản lý, tham khảo công thức món ăn dành cho người dùng.
189		Tìm hiểu game engine Godot và ứng dụng để xây dựng game Match-3 cho Windows	Trần Đức Hoàng Sơn	Nguyễn Văn Trung	Giới thiệu game engine Godot và áp dụng vào dự án game thể loại match-3.
190		Xây dựng ứng dụng di động phản ánh thông tin của nhà trường	Hồ Đình Nhật Tân	Nguyễn Văn Trung	Sử dụng Flutter, Firebase để xây ứng dụng di động phản ánh thông tin nhà trường: gồm các chức năng giúp sinh viên và học sinh đăng phản ánh những vấn đề về an ninh, giáo dục,

					cơ sở vật chất,.. để nhà trường xử lý tiếp nhận nhanh chóng.
191		Xây dựng website mạng xã hội Facebook	Phan Bảo Thanh	Nguyễn Văn Trung	Xây dựng Website giúp người dùng trò chuyện, tương tác với bạn bè mọi lúc; cập nhật, chia sẻ hình ảnh và thông tin cá nhân,...
192		Tìm hiểu Flutter và xây dựng ứng dụng trò chuyện trực tuyến thời gian thực	Trần Xuân Thiên	Nguyễn Văn Trung	Tìm hiểu về Flutter và Firebase để xây dựng ứng dụng chat thời gian thực.
193	Đại học/ Khoa Lịch sử	Xây dựng website đặt tour du lịch	Nguyễn Trọng Việt	Nguyễn Văn Trung	Xây dựng website giúp người dùng có thể xem thông tin các tour du lịch , đặt tour du lịch online.
194		Thân thế và sự nghiệp của Tôn Trung Sơn	Nguyễn Thị Thùy Linh	Trần Thị Hợi	Tôn Trung Sơn (1866 - 1925) là nhà cách mạng dân chủ tư sản của Trung Quốc thời cận đại và là lãnh tụ của cách mạng Tân Hợi (1911) - cuộc cách mạng lật đổ chế độ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm để lập nên một chế độ mới ở Trung Quốc. Tôn Trung Sơn là người đưa ra Chủ nghĩa Tam dân với nội dung cơ bản là dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Những tư tưởng của Chủ nghĩa Tam dân không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với các phong trào cách mạng lúc đó, mà còn có ý nghĩa đối với giai đoạn hiện nay. Tôn Trung Sơn không chỉ là lãnh tụ của phong trào cách mạng, phong trào giải phóng dân tộc ở Trung Quốc, mà còn là một nhà cải cách, một nhà tư tưởng, một nhà triết học lớn với nhiều tư tưởng sâu sắc. Đề tài tập trung làm rõ về thân thế (quê hương, gia đình, cuộc đời) và sự nghiệp cách mạng của Tôn Trung Sơn nhất là đi sâu phân tích về Chủ nghĩa Tam dân của ông. Đặc biệt đề tài làm rõ vai

					trò, những đóng góp hết sức to lớn của Tôn Trung Sơn đối với cách mạng và tiến trình cận đại hoá ở Trung Quốc. Đồng thời, đề tài cũng rút ra những ảnh hưởng của Tôn Trung Sơn và cách mạng Tân Hợi đối với cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX.
195		Nghệ thuật kinh kịch Trung Quốc	Nguyễn Thị Huyền Nhung	Trương Tuấn Vũ	Kinh kịch Trung Quốc là loại hình biểu diễn nghệ thuật tổng hợp, trải qua thời gian dài phát triển, kinh kịch đã hình thành hệ thống trình diễn riêng biệt của mình. Hình thức biểu diễn chủ yếu của Kinh kịch là “ca, nói, đấu võ, múa” để thuật lại các cốt truyện, khắc họa nhân vật. Kể từ khi Trung Quốc tiến hành công cuộc cải cách mở cửa, Kinh kịch có sự phát triển mới. Ngày nay, với tư cách là loại hình kịch truyền thống của Trung Quốc, kinh kịch được biểu diễn tại các sự kiện trọng đại của Trung Quốc. Nghiên cứu, tìm hiểu nghệ thuật Kinh kịch Trung Quốc sẽ giúp chúng ta có cái nhìn sâu hơn về loại hình biểu diễn nghệ thuật độc đáo này, từ đó rút ra những bài học quý báu trong việc bảo tồn và phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống tương tự ở Việt Nam.
196		Tìm hiểu văn hóa trà đạo của Nhật Bản	Nguyễn Thị Hiền Trang	Nguyễn Văn Tận	Xứ sở hoa anh đào được biết đến không chỉ bởi nền kinh tế phát triển mà còn là một đất nước có một nền văn hóa truyền thống lâu đời được gìn giữ tới ngày hôm nay. Con người Nhật Bản luôn nhạy cảm với cái đẹp, họ tìm thấy những điều thú vị trong những sự vật, hiện tượng tưởng chừng như rất đổi bình thường cũng chính vì vậy họ có một khả năng

				đạo hóa những thứ bình thường nhất ấy trở thành những giá trị văn hóa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc như: Trà đạo, Kiếm đạo, Thư đạo, Hoa đạo,... Việc tìm hiểu văn hóa Trà đạo của Nhật Bản giúp chúng ta chiêm nghiệm được bản thân qua chén trà cũng như một phương tiện để tìm tới sự Thiền trong chén trà. Thông qua Trà Đạo, chúng ta biết thêm được một nét văn hóa truyền thống của Nhật Bản bên cạnh đó là tính cách của con người Nhật Bản cũng được thể hiện một cách rõ nét. Nội dung của đề tài trà đạo không nhằm ngoài mục đích là giúp chúng ta hiểu một cách tường tận, chi tiết về các công đoạn để tạo ra một sự thư giãn cho con người và cũng là một phương pháp giáo dục, hoàn thiện nhân cách thông qua nội dung cơ bản như nguồn gốc, không gian trà, cách pha trà, cách uống trà, các dụng cụ pha trà, trà nhân và bốn đức tính cao quý trong Trà đạo.
197		Sự phát triển của hanbok qua các thời kỳ lịch sử Hàn Quốc	Nguyễn Thị Phương	Nguyễn Hoàng Linh Hanbok được biết đến là trang phục truyền thống của Hàn Quốc. Từ rất sớm Hanbok đã xuất hiện, đối với mỗi thời kỳ lịch sử trang phục này sẽ có sự thay đổi để đảm bảo tính phù hợp với thời đại. Thông qua đề tài này, chúng ta có thể biết được diễn trình phát triển của Hanbok là như thế nào và những giá trị đặc biệt mà trang phục này mang đến cho Hàn Quốc. Thuở ban đầu, Hanbok được làm bằng vải lụa với thiết kế hoa văn đơn giản và dùng để chống lại thời tiết khắc nghiệt. Trải qua nhiều

					giai đoạn, tới thời kỳ Joseon – đây là một trong những triều đại phát triển nhất của Hàn Quốc, vì thế mà trang phục truyền thống có sự phức tạp về mặt kiểu dáng và màu sắc, thể hiện sự đẳng cấp và vị thế của người mặc trong xã hội. Đến thế kỷ XX để có thể phù hợp với thời đại Hanbok cũng đã có những sự thay đổi nhất định về kiểu dáng và màu sắc. Ngày nay, Hanbok vẫn được giữ gìn và phát triển. Ngoài ra, Hanbok còn được xem là một biểu tượng của sự lịch sử và tinh túy của văn hóa Hàn Quốc
198		Tìm hiểu các loại hình nghệ thuật truyền thống của Nhật Bản	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Lê Thị Anh Đào	Đề tài khóa luận nghiên cứu về các loại hình nghệ thuật truyền thống của Nhật Bản và những giá trị của chúng. Trong đó, nghiên cứu tập trung vào các loại hình nghệ thuật truyền thống phổ biến như nghệ thuật trà đạo, thư đạo, hoa đạo, kiến trúc, nghệ thuật sân khấu và rất nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống khác. Bằng cách khảo sát lịch sử phát triển, đặc trưng, nội dung và phong cách của mỗi loại hình nghệ thuật truyền thống, khóa luận tìm hiểu những giá trị văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, lịch sử - tôn giáo mà chúng đem lại cho xã hội Nhật Bản. Những giá trị này thể hiện sự tôn trọng truyền thống và lịch sử, khát khao tìm kiếm sự thanh tịnh và sự thanh lọc tinh thần, sự kết nối giữa con người và thiên nhiên, sự giáo dục và truyền đạt giá trị qua nghệ thuật, cũng như đóng góp cho ngành du lịch và kinh tế của Nhật Bản trong giai đoạn hiện nay.

					Với những giá trị này, các loại hình nghệ thuật truyền thống của Nhật Bản đã và đang tiếp tục đóng góp vào sự phát triển của xã hội và văn hoá Nhật Bản, cũng như được đánh giá cao và trân trọng trong cộng đồng quốc tế
199		Lịch sử hình thành và phát triển giáo xứ Xã Đoài, địa phận Vinh, tỉnh Nghệ An	Trần Xuân Anh	Nguyễn Thị Thùy Nhung	Làm rõ quá trình hình thành và phát triển của giáo xứ Xã Đoài từ năm thành lập giáo xứ 1629- đến nay.từ đó đưa ra những biện pháp bảo tồn và phát huy thế mạnh của giáo xứ trong thời gian tới.
200		Bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích Đình làng, Lẫm làng ở thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên trong giai đoạn hiện nay	Lê Thành Đạt	Trần Mai Phương	Làm rõ thực trạng, đặc điểm, số lượng của hệ thống Đình làng, Lẫm làng ở thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp để bảo tồn và phát huy giá trị của loại hình di tích này.
201		Khoa cử và những người đỗ khoa bảng dưới thời chúa Nguyễn ở Thừa Thiên Huế	Lê Văn Quốc Huy	Mai Văn Được	Làm rõ chế độ giáo dục, khoa cử dưới thời chúa Nguyễn và tiểu sử, hành trạng, những đóng góp của các nhà khoa bảng dưới thời chúa Nguyễn ở Thừa Thiên Huế
202		Ngoại giao triều cống Việt Nam – Trung Quốc (1226-1885)	Nguyễn Công Minh	Trần Thị Tâm	Khóa luận tập trung nghiên cứu về quan hệ ngoại giao qua hình thức triều cống giữa Việt Nam với Trung Quốc thời nhà Trần và nhà Nguyễn trong giai đoạn từ năm 1226 đến năm 1885. Trên cơ sở đó, khóa luận rút ra một số nhận xét, đánh giá về ngoại giao triều cống của Việt Nam với Trung Quốc giai đoạn 1226 - 1885
203		Vai trò của người phụ nữ trong giáo dục gia đình truyền thống tại Tỉnh Thừa Thiên Huế đầu thế	Trần Anh Thư	Nguyễn Chí Ngân	Đối với người Huế, vai trò giáo dục con cái không chỉ thuộc về người cha, người chồng mà còn là trách nhiệm của người mẹ, người vợ. Việc nghiên cứu, phân tích vai trò

		kỷ XX			của người phụ nữ trong giáo dục gia đình ở Huế đầu thế kỷ XX, góp phần khẳng định nét văn hóa truyền thống tốt đẹp này; từ đó đề xuất những kiến nghị nhằm phát huy các giá trị là điều cần thiết. Xuất phát từ ý nghĩa khoa học và thực tiễn đó, chúng tôi chọn vấn đề “Vai trò của người phụ nữ trong giáo dục gia đình truyền thống tại Tỉnh Thừa Thiên Huế đầu thế kỷ XX” làm đề tài khóa luận với mong muốn nêu bật tầm quan trọng của người phụ nữ trong giáo dục gia đình giai đoạn hiện nay
204	Đại học/ Khoa Sinh học	Một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình nhân nuôi nấm men và thử nghiệm lên men rượu vang dưa hấu	Văn Thị Bảo Vy	Phạm Thị Ngọc Lan	Quy trình:Xác định đặc điểm hình thái và định danh chủng nấm men L3 bằng phương pháp giải trình tự. Xác định nguồn carbon, nitrogen và hàm lượng tối ưu trong môi trường nuôi cấy tạo sinh khối nấm men đồng thời xác định được tỉ lệ men giống thích hợp cho lên men rượu vang dưa hấu. Kết quả: Chủng nấm men L3 được định danh là <i>Saccharosemyces cerevisiae</i>. Điều kiện môi trường nuôi cấy tối ưu cho chủng nấm men L3 là trong môi trường Hansen dịch thể có nguồn carbon là saccharose với hàm lượng 55g/l và nguồn nitrogen là cao nấm men với hàm lượng 10g/l cho sinh khối cực đại là 10,06mg/ml. Trong điều kiện phòng thí nghiệm, tỷ lệ men giống L3 ban đầu là 10 ml/100ml cho sản phẩm rượu có cảm quan tốt, mùi thơm dịu.
205		Tuyển chọn chủng vi khuẩn sinh tổng hợp	Lê Thị Xinh	Phạm Thị Ngọc Lan	Quy trình : Tiến hành phân lập và tuyển chọn các chủng vi khuẩn có hoạt tính protease

		protease từ bùn thải ao nuôi tôm			mạnh bùn thải ao tôm. Sau đó tiến hành đánh giá khả năng phân giải của protein và thăm dò ảnh hưởng của một số điều kiện nuôi cấy đến sinh trưởng, phát triển và hoạt tính enzyme của vi khuẩn . Kết quả: Đánh giá, tuyển chọn được 2 chủng vi khuẩn là X12 và X14 từ 95 chủng phân lập được, có khả năng phân giải protein mạnh, có thể tiếp tục nghiên cứu thêm một số điều kiện nuôi cấy tối ưu cho sự sinh trưởng và phát triển của hai chủng vi khuẩn đã được tuyển chọn làm cơ sở cho các nghiên cứu ứng dụng
206		Phân lập và đánh giá khả năng xử lý nước thải của một số chủng tảo lục	Nguyễn Quang Trí	Phan Thị Thúy Hằng	Phân lập và tinh sạch một số chủng tảo lục (<i>Scenedesmus</i> và <i>Chlorella</i>) trên địa bàn thành phố Huế. - Đánh giá sinh trưởng của các chủng tảo <i>Scenedesmus</i> và <i>Chlorella</i> phân lập được trên môi trường BG-11 và môi trường BBM. - Đánh giá sinh trưởng của các chủng tảo phân lập được trong môi trường nước thải đô thị. - Đánh giá khả năng xử lý nước thải đô thị của các chủng tảo lục <i>Scenedesmus</i> và <i>Chlorella</i> phân lập được thông qua các thông số môi trường (pH, nhiệt độ, DO, độ đục, nitrat, amoni và photphat).
207		Nghiên cứu ảnh hưởng của dịch chiết giá đậu tương lên sinh trưởng của tảo xoắn	Lê Thảo Uyên	Phan Thị Thúy Hằng	Khảo sát sinh trưởng của tảo xoắn <i>Arthrospira platensis</i> địa phương và thương mại trong môi trường Zarrouk bổ sung dịch chiết giá đậu tương

					Quy trình: nuôi cấy tảo xoắn <i>Arthrospira platensis</i> địa phương và thương mại trong môi trường Zarrouk 100% , Zarrouk 90% + 10% dịch chiết giá đậu tương, Zarrouk 80% + 20 % dịch chiết giá đậu tương ở điều kiện phòng thí nghiệm trong vòng 24 ngày. Kết quả: - Đánh giá tác động của việc bổ sung dịch chiết giá đậu tương lên sinh trưởng của tảo xoắn - So sánh, nhận xét hình thái của tảo xoắn (giống địa phương và thương mại) trong mỗi môi trường
208		Phân lập và tuyển chọn chủng vi khuẩn lactic ứng dụng ủ chua bã đậu nành làm thức ăn chăn nuôi	Nguyễn Ngọc Phú	Hoàng Dương Thu Hương	Quy Trình: Tiến hành phân lập và tuyển chọn các chủng vi khuẩn lactic từ các mẫu thực phẩm lên men truyền thống. Khảo sát các chủng được chọn lọc theo các điều kiện nuôi cấy Tiến hành ủ chua với bã đậu nành nhằm xác định các yếu tố phù hợp cho quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi. Kết quả: Tìm được 2 chủng là L26 và L36 từ 40 chủng phân lập được có khả năng ủ chua bã đậu nành và chủng L26 có khả năng sinh lactic cao hơn nên sẽ tối ưu để sử dụng trong quá trình lên men bã đậu nành.
209		Nghiên cứu nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo bằng nhộng Bướm chanh <i>Catopsilia pomona</i>	Alăng Nhụy	Võ Đình Ba	Quy trình: Tiến hành phân tích thành phần sinh hóa của nhộng Bướm chanh .Sau đó tiến hành nghiên cứu và theo dõi sự phát triển của nấm Đông trùng hạ thảo trên giá thể nhộng. Cuối cùng phân tích thành phần hóa

					sinh của quả thể nấm Đông trùng hạ thảo. Kết quả: Nhộng Bướm chanh có hàm lượng protein tương đối cao (15,66%) và cao hơn so với nhộng Tằm (13 g/100g) và đây là nguồn đạm lý tưởng. Trên môi trường gạo lứt có bổ sung dịch khoáng, sợi nấm <i>Cordyceps militaris</i> phát triển tốt ở cả các công thức có bổ sung bột nhộng tằm và bột nhộng bướm chanh. Môi trường nuôi quả thể có bổ sung 10% bột nhộng bướm chanh cho năng suất sinh học tương đương với bổ sung 5% bột nhộng tằm thường được dùng trong sản xuất đại trà.
210		Nghiên cứu hoạt tính kháng khuẩn và kháng viêm của cao chiết từ quả ớt xiêm rừng Quảng Ngãi.	Đinh Quang Dương	Nguyễn Minh Trí	Quy trình: Định tính thành phần hóa học; hoạt tính kháng oxy hóa của cao chiết ethanol quả ớt xiêm. Khảo sát hoạt tính kháng viêm và kháng khuẩn của cao chiết ethanol quả ớt xiêm trong điều kiện Invitro. Kết quả: 1. Thành phần hóa học trong quả ớt xiêm có các thành phần: flavonoid, saponin, tanin, đường khử tự do, acid hữu cơ, tinh bột và chất béo. Cao chiết ethanol có hoạt tính chống oxy hóa cao, cụ thể: hàm lượng polyphenol là 231,98 (mg GAE/g cao chiết), hàm lượng flavonoid là 6,13 (mg quercetin/g cao chiết) 2. Nồng độ ức chế 50% biến tính của protein

					đối với cao chiết ethanol và chất đối chứng lần lượt là 15,03 µg/m và 12,36 µg/ml cho thấy hoạt tính kháng viêm của cao ethanol yếu hơn diclofenac 1,22 lần. 3. Cao chiết bằng ethanol quả ớt xiêm ở nồng độ 75% có khả năng kháng 82,87% E. Coli và 85,65% Staphylococcus aureus so với đối chứng dương là ampicilin 10 mg/ml
211		Nghiên cứu thủy phân cá rô phi bằng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> M28 làm phân bón lá sinh học	Đoàn Thị Thảo My	Nguyễn Minh Trí	Tóm tắt Sử dụng protease từ chủng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> M28 thủy phân cá rô phi làm phân bón lá vi sinh. Kiểm tra chất lượng phân bón và thử nghiệm lên cây trồng. Tạo sản phẩm phân bón lá vi sinh góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và nâng cao giá trị kinh tế cho cá rô phi. Quy trình: 1. Khảo sát hoạt tính protease của chủng <i>Bacillus subtilis</i> M28 2. Tạo chế phẩm protease từ chủng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> M28 3. Khảo sát khả năng thủy phân của enzyme protease lên cá rô phi nhằm tìm ra được những thông số thích hợp để quá trình thủy phân cá đạt hiệu suất cao và tạo ra chế phẩm. 4. Thử nghiệm ảnh hưởng chế phẩm thu được lên cây rau. Kết quả: 1. Nghiên cứu các điều kiện nuôi cấy thích hợp cho quá trình sinh tổng hợp

					protease cho thấy, chủng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> M28 có hoạt độ protease mạnh nhất khi nuôi trên môi trường lỏng 72h, ở nhiệt độ 40°C, pH = 7,0 có bổ sung tỷ lệ cơ chất là 1,5% gelatin. 2. Trong dịch vi khuẩn tạo thành có mật độ chủng <i>Bacillus subtilis</i> M28 có hoạt tính protease là $3,02 \times 10^{12}$ CFU/g. 3. Khảo sát sự thay đổi của các Lô thí nghiệm có bổ sung enzyme từ 1% - 15% và nhận thấy với tỉ lệ 15% dịch vi khuẩn so với lượng cá đem thủy phân thì thu được dịch thủy phân cá với hàm lượng nitơ formol là 8,512 (g/l), hàm lượng nitơ tổng số là 11,725 (g/l) và tỉ số $\frac{\text{Nitơ formol}}{\text{Nitơ toàn phần}}$ đạt 72,597% và hàm lượng P₂O₅ là 1,307 µg/ml. Vì vậy lựa chọn tỉ lệ dịch 15% để bổ sung vào cá cho những lần sản xuất tiếp theo. 4. Dịch thủy phân cá được thử nghiệm trên cây cải xanh qua phương pháp bón lá đã hiệu quả cao hơn so với đối chứng. => Tạo ra phân bón lá hữu cơ từ dịch thủy phân cá rô phi và ứng dụng trong sản xuất rau xanh và góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong trồng trọt.
212		Nghiên cứu cố định enzyme glucoamylase và ứng dụng trong sản xuất siro glucose	Nguyễn Quang Phương Nam	Nguyễn Minh Trí	Quá trình: tối ưu enzyme glucoamylase thu nhận từ nấm mốc và cố định enzyme glucoamylase trên gel natri alginate và tối ưu enzyme cố định để ứng dụng trong sản xuất siro glucose. Kết quả:

					Đã cố định thành công 5g enzyme glucoamylase hòa tan trên gel alginate 3%. Với 7 lần tái sử dụng, hiệu suất cố định 82,891%. Thu được 102.54 g siro glucose trên 1 lít dung dịch tinh bột sẵn 10%
213		Thu nhận tinh dầu từ lá cây bạch đàn trắng bằng công nghệ vi sóng và khảo sát hoạt tính sinh học	Cao Thảo Nguyên	Nguyễn Minh Trí	Quy trình: Thu nhận tinh dầu từ lá cây Bạch đàn trắng (<i>Eucalyptus camaldulensis</i> Dehnh.) bằng công nghệ vi sóng và khảo sát hoạt tính sinh học, nhằm bước đầu tìm ra điều kiện tối ưu trong việc ly trích tinh dầu, xác định các thành phần hóa học và ứng dụng tính kháng khuẩn của tinh dầu bạch đàn từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng loại cây này. Kết quả: đã chiết suất thành công tinh dầu Bạch đàn trắng từ phương pháp lò vi sóng với các điều kiện tối ưu: +Nguyên liệu: cắt nhỏ. +Tuổi nguyên liệu: lá bánh tẻ +Nồng độ nước muối: 10% +Thời gian ngâm nước muối: 60 phút +Thời gian chưng cất: 90 -Chỉ số vật lý và hóa học của tinh dầu như sau: - Hàm lượng tinh dầu Bạch đàn trắng: 1,78% - Tỷ trọng tinh dầu Bạch đàn trắng: 0,910 - Chỉ số acid (IA): 5,43 - Chỉ số savon hóa (IS): 31,28 - Chỉ số ester hóa (IE): 36,72

					Chỉ số ethanol: + Tỷ lệ tinh dầu/cồn tuyệt đối = 1:10,1 + Tỷ lệ tinh dầu/cồn 96o = 1: 20,3 + Tỷ lệ tinh dầu/cồn 80o = 1: 29 + Tỷ lệ tinh dầu/cồn 70o = 1: 50,6 -Xác định được các thành phần hoá học của tinh dầu gồm 13 hợp chất và thành phần chính của tinh dầu Bạch đàn trắng: Eucalyptol (60,06 %), Alpha-Pinene (6.47), Beta - Pinene (14.14%), Alpha - Phellandrene (11.65%), Gamma - Terpinene (10.87), Beta- Eudesmol (14.51). -Tính kháng khuẩn của tinh dầu gồm 6 chủng vi khuẩn Escherichia coli, Salmonella typhi, Staphylococcus aureus, Enterococcus faecalis, Streptococcus faecal, Pseudomonas aeruginosa cho ra kết quả kháng khuẩn tốt.
214		Nghiên cứu kỹ thuật màng sinh học (biofilm) xử lý ô nhiễm chất hữu cơ trong nước thải đô thị ở thành phố Huế	Nguyễn Hữu Quang Huy	Lương Quang Đốc	Quy trình: Màng sinh học nhân tạo được hình thành bằng cách nuôi cấy vi tảo lục trên bề mặt sợi vải được làm ẩm ướt bằng môi trường dinh dưỡng. Nước thải qua màng sẽ được tảo hấp thụ các chất hoà tan, kết hợp với quá trình quang hợp tổng hợp chất hữu cơ cho sự sinh trưởng và phát triển của tế bào tảo. Quá trình giúp nước thải được làm sạch một phần. Kết quả: Đồ án sẽ đánh giá được khả năng xử lý nước thải đô thị của một loại màng sinh học được phát triển dựa trên sự sinh trưởng của tảo lục ở quy mô phòng thí nghiệm. Kết quả là cơ sở khoa học cho một phương pháp

					sử dụng vi tảo trong xử lý ô nhiễm đồng thời có thể tận dụng sinh khối tảo cho nhiều ứng dụng sau này.
215		Nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng quần thể tảo xoắn trong điều kiện môi trường Z8 hiệu chỉnh.	Đặng Thị Ngọc Trâm	Lương Quang Đốc	Khảo sát sinh trưởng của tảo xoắn <i>Arthrospira platensis</i> địa phương và thương mại trong môi trường Z8 bổ sung dịch chiết giá đậu tương và trong môi trường Z8 bổ sung phân bón lá NPK 20-20-20. Kết quả: - Nhận xét và so sánh giữa hình thái tảo địa phương và thương mại. - Đánh giá sự sinh trưởng mật độ quần thể, hệ số tăng trưởng quần thể (r), thời gian thế hệ T2 tính theo ngày của các chủng tảo xoắn ở môi trường Z8 và Z8 có bổ sung dịch chiết giá đậu tương. - Đánh giá sự sinh trưởng mật độ quần thể, hệ số tăng trưởng quần thể (r), thời gian thế hệ T2 tính theo ngày của các chủng tảo xoắn ở môi trường Z8 và Z8 có bổ sung phân bón lá NPK 20-20-20.
216		Tinh sạch enzyme chitinase từ lá cây <i>Nicotiana benthamiana</i> bằng hệ hai pha polyethylene glycol/potassium phosphate	Đặng Thị Thu Hà	Nguyễn Hoàng Lộc	Quy trình: -Kiểm tra sự hiện diện của gen syncodChi42-2 bằng PCR -Kỹ thuật thâm nhập Agrobacterium - Xác định hoạt tính emzyme chitinase -Xác định hoạt độ emzyme chitinase -Thiết kế hệ hai pha nước - Tinh sạch chitinase ở pha trên - Biểu hiện emzyme chitinase bằng điện di

					SDS-PAGE Kết quả: - Sự hiện diện của gen syncodChi42-2 bằng PCR - Hoạt độ của emzyme chitinase - Hoạt tính thủy phân của emzyme chitinase - Hệ hai pha nước - Thu hồi emzyme chitinase - Biểu hiện emzyme chitinase bằng điện di SDS-PAGE
217		Nghiên cứu về sự đa dạng nấm thán thư hại thanh long sau thu hoạch và khả năng kháng nấm bởi dịch chiết chitinase	Hoàng Nhật Hạ	Nguyễn Hoàng Lộc	Quy trình: Phân lập, tuyển chọn, giám định hình thái và định danh nấm gây bệnh thán thư trên thanh long sau thu hoạch. Xác định đặc điểm gây bệnh của <i>Colletotrichum</i> sp. bằng phương pháp lây bệnh nhân tạo trong phòng thí nghiệm. Đánh giá tác động của enzyme chitinase đối với khả năng kháng nấm <i>Colletotrichum</i> sp. Kết quả: Đã xác định được một chủng nấm gây bệnh thán thư trên thanh long. Bệnh thán thư gây tổn thương trên quả thanh long. Enzyme chitinase được chiết xuất đã có khả năng kháng lại nấm <i>Colletotrichum</i> sp.
219		Nghiên cứu về sự đa dạng nấm thán thư hại ớt sau thu hoạch và khả năng kháng nấm bởi dịch chiết chitinase	Nguyễn Lê Quỳnh Như	Nguyễn Hoàng Lộc	Quy trình: - Phân lập, tuyển chọn, giám định hình thái và định danh nấm gây bệnh thán thư trên ớt sau thu hoạch. - Xác định đặc điểm gây bệnh của <i>Colletotrichum</i> sp. bằng phương pháp lây bệnh nhân tạo trong phòng

					thí nghiệm. - Xác định ảnh hưởng của enzyme chitinase đến khả năng kháng nấm <i>Colletotrichum</i> sp.. Kết quả: Đã định danh được 2 chủng nấm thán thư hại ớt . Gây bệnh được trên quả. Dịch chiết enzyme chitinase kháng được nấm <i>Colletotrichum</i> sp..
220		Tinh sạch enzyme chitinase từ lá <i>Nicotiana benthamiana</i> bằng hệ hai pha polyethylene glycol/sodium phosphate	Nguyễn Thị Tâm	Nguyễn Hoàng Lộc	Quy trình: -Kiểm tra sự hiện diện của gen syncodChi42-2 bằng PCR -Kỹ thuật thâm nhập <i>Agrobacterium</i> - Xác định hoạt tính enzyme chitinase -Xác định hoạt độ enzyme chitinase -Thiết kế hệ hai pha nước - Tinh sạch chitinase ở pha trên - Biểu hiện enzyme chitinase bằng điện di SDS-PAGE Kết quả: -Sự hiện diện của gen syncodChi42-2 bằng PCR - Hoạt độ của enzyme chitinase - Hoạt tính thủy phân của enzyme chitinase -Hệ hai pha nước - Thu hồi enzyme chitinase -Biểu hiện enzyme chitinase bằng điện di
221		Tối ưu hệ thống chỉnh sửa gen CRISPR/Cas9 ở nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> biểu hiện một	Đặng Thị Kiều Dương	Nguyễn Ngọc Lương	Quy trình: Tách chiết plasmid tổng số Thiết kế guid RNA, Thiết kế đoạn gen bằng kỹ thuật PCR và Overlap extension PCR.

		gen			Biến nạp vào nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> 2805 và chọn lọc trên môi trường khuyết dưỡng Ura. Kết quả: -Đã thiết kế thành công trình tự sgRNA hoàn chỉnh và cắt- nối vào vector biểu hiện pML104 - là một vector biểu hiện được hệ thống CRISPR/Cas9. +Khuếch đại thành công hai đoạn gen chứa trình tự sgRNA hoàn chỉnh sau PCR có kích thước tương ứng 265 bp và 226 bp. -Đoạn gen pCFB 3034-L- eGFP- pCFB 3034-R được thiết kế thành công, là đoạn gen sẽ được chèn vào nhiễm sắc thể X của nấm men khi Cas9 tạo ra điểm đứt gãy sợi đôi. +Khuếch đại trình tự Left homologous arm và Right homologous arm của vector pCFB3034 có kích thước tương ứng 562 bp và 591 bp. Đoạn gen eGFP của vector New yepGPD eGFP CPS1 có kích thước 1647 bp. +Overlap extension PCR của ba đoạn gen pCFB 3034-L- eGFP- pCFB 3034-R có kích thước 2769 bp. - Nuôi cấy nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> 2805 sinh trưởng trên môi trường YPD chuẩn bị cho các quá trình biến nạp tiếp theo. Và chuẩn bị môi trường khuyết dưỡng Ura cho chọn lọc nấm men.
222		Tối ưu hệ thống chỉnh sửa gen CRISPR/Cas9 ở nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> biểu hiện	Triệu Thanh Mai	Nguyễn Ngọc Lương	Quy trình: Tách chiết plasmid tổng số - Thiết kế primer - Khuếch đại và Overlap các đoạn gen bằng PCR - Biến nạp và nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> 2805 và chọn lọc

		nhiều gen			trên môi trường YPD 200 mg/L G418. Kết quả: - Đã khuếch đại được các đoạn gen nhỏ trong các vector New yepGPD eGFP CPS1, pCfB 2903, pCfB 3034, pCfB 3039 và Overlap thành công các đoạn gen với nhau bằng PCR có kích thước gen pCfB 2903-L-eGFP-pCfB 2903-R là 2793bp, pCfB 3034- L-eGFP-pCfB 3034-R là 2769 bp, pCfB 3039-L-eGFP-pCfB 3039-R là 2745 bp. - Đã gắn và tạo dòng thành công đoạn gen pCfB 3034-L-eGFP-pCfB 3034-R. - Đã biến nạp thành công vector pCfB 2312 biểu hiện Cas9 vào nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> 2805 trên môi trường chọn lọc YPD 200 mg/L G418.
223		Nghiên cứu nhận dạng gen <i>dreb2</i> liên quan đến tính chịu hạn ở giống lạc L14	Đoàn Thị Dương	Nguyễn Quang Đức Tiến	Quy trình: Thu mẫu, tổng quan và phân tích tài liệu - Thiết kế primer - Phân lập 1 gen chịu hạn, tạo dòng và giải trình tự gen - Phân tích trình tự 1 gen chịu hạn - Viết báo cáo tổng kết. Kết quả: Đã tạo dòng, giải trình tự thành công gen <i>DREB2</i> liên quan đến khả năng chịu hạn ở lạc L14, có chiều dài khoảng 916 bp mã hóa cho 233 amino acid với 2 vùng exon và 1 vùng intron. - Kết quả phân tích phát sinh chủng loại cho thấy gen <i>DREB2</i> của giống lạc L14 có mối liên quan gần với gen <i>DREB2</i> của giống lạc <i>Arachis hypogaea</i> (mã số: QHO39072.1) với có tỉ lệ tương đồng 100%.

					- Kết quả phân tích cấu trúc bậc 2 và cấu trúc có độ tin cậy cao, cho thấy cấu trúc xoắn α của <i>DREB2</i> chiếm 53,22 % chiều dài của chuỗi amino acid suy diễn, cấu trúc phiến gấp β chiếm 3,43 %.
224		Nghiên cứu nhận dạng gen <i>wrky22</i> liên quan đến tính chịu hạn ở giống lạc L14	Võ Văn Hồng Phúc	Nguyễn Quang Đức Tiến	Quy trình: Thu thập mẫu, thiết kế primer, phân lập gen chịu hạn, tạo dòng gen, giải trình tự và phân tích tin sinh học trình tự gen <i>WRKY22</i> ở giống lạc L14. Kết quả: Đã nhận dạng và xác định trình tự gen <i>WRKY22</i> ở giống lạc L14. Phân tích trình tự gen cho thấy gen <i>WRKY22</i> của giống lạc L14 có mối liên hệ gần với gen <i>WRKY22</i> của giống lạc <i>Arachis hypogaea</i>. Kết quả phân tích cấu trúc bậc 2 cho thấy cấu trúc xoắn α của <i>AhL14_WRKY22</i> chiếm 27,44% và cấu trúc phiến gấp β chiếm 14,08% trong chuỗi axit amin suy diễn.
225		Nghiên cứu nhận dạng gen <i>myb2</i> liên quan đến tính chịu hạn ở giống lạc L14	Trương Hữu Minh Tân	Nguyễn Quang Đức Tiến	Quy trình: thu thập mẫu, thiết kế primer, phân lập gen chịu hạn, giải trình tự và phân tích trình tự gen chịu hạn. Kết quả - Đã tạo dòng, giải trình tự thành công gen <i>MYB2</i> liên quan đến khả năng chịu hạn ở giống lạc L14, với chiều dài khoảng 1111 bp mã hóa cho 220 amino acid gồm 3 exon và 2 vùng intron. - Kết quả phân tích phát sinh chủng loại cho

					thấy gen <i>MYB2</i> của giống lạc L14 có mối liên quan gần gũi với gen <i>MYB2</i> của giống lạc <i>Arachis hypogaea</i> L. Huayu 19 (Mã số: KF208656.1) với tỉ lệ tương đồng 96,12 %. - Kết quả phân tích cấu trúc bậc 2 cho thấy cấu trúc xoắn α của <i>MYB2</i> chiếm 34,55 % chiều dài của chuỗi amino acid suy diễn, cấu trúc phiến gấp β chiếm 7,27 % dựa vào khuôn mẫu V5T8H8 trên cơ sở dữ liệu AlphaFold Protein Structure Database.
226		Nghiên cứu nhận dạng gen <i>myb1</i> liên quan đến tính chịu hạn ở giống lạc L14	Lê Thị Thu	Nguyễn Quang Đức Tiến	Quy trình: thu thập mẫu, thiết kế primer, phân lập gen chịu hạn, giải trình tự và phân tích trình tự gen chịu hạn. Kết quả: - Đã nhận dạng và tạo dòng, giải trình tự thành công gen <i>AhL14_MYB1</i> liên quan đến khả năng chịu hạn ở lạc L14, có chiều dài CDS khoảng 735 bp mã hóa cho 250 amino acid và có 1 vùng intron. - Kết quả phân tích phát sinh chủng loại cho thấy gen <i>AhL14_MYB1</i> của giống lạc L14 có mối liên quan gần với gen <i>MYB1</i> của giống lạc <i>Arachis hypogaea</i> L. Cultivar Huayu 19 (KF_208655.1) và có tỉ lệ tương đồng 99,37%.
227		Nghiên cứu sự đề kháng và không dung nạp imatinib trong bệnh bạch cầu mạn dòng tủy	Nguyễn Bình Linh Chi	Chế Thị Cẩm Hà	Quy trình: Thu thập thông tin của BN BCMĐT, tiến hành khảo sát các đặc điểm sinh học của BN trước khi điều trị Imatinib bao gồm các xét nghiệm huyết - tủy đồ, xác định bộ NST để xác định tỷ lệ NST Ph+, định lượng gen BCR-ABL. Sau đó, điều trị với thuốc Imatinib để đánh giá đáp ứng điều trị

thuốc với các tiêu chuẩn kháng Imatinib và không dung nạp Imatinib.

Kết quả:

Đặc điểm chung BN BCMDT

- Tỷ lệ BN mắc bệnh BCMDT rất ít gặp ở độ tuổi từ 60 - 77 chỉ chiếm 12%, trong khi độ tuổi từ 35-59 chiếm tỷ lệ nhiều nhất là 50%, đa số là ở trung niên.

- Tỷ lệ BN giới tính nam trong nghiên cứu nhiều hơn BN giới tính nữ trong nghiên cứu gấp 1,6 lần.

- Tỷ lệ BN có mức nồng độ hemoglobin trên > 12g/dl cao nhất trước khi bắt đầu nghiên cứu là 62,5%.

- Tỷ lệ BN có số lượng bạch cầu mức phân bố $5 - 10 \times 10^9/L$ cao nhất trong nghiên cứu là 57,1%.

- Tỷ lệ BN có số lượng tiểu cầu mức phân bố $150 - 400 \times 10^9/L$ cao nhất trong nghiên cứu là 66,1%.

Kết quả chẩn đoán bệnh BCMDT

- Tỷ lệ BN có tế bào máu non trong máu < 2% chiếm cao nhất trong nghiên cứu là 78,6%.

- Kết quả sinh thiết tủy xương cho thấy tủy tăng sản bởi các yếu tố như sau: Nguyên hồng cầu ưa base, tiền tủy bào, hậu tủy bào trung tính, bạch cầu đũa trung tính, bạch cầu đoạn trung tính, bạch cầu đũa ưa acid, bạch cầu đoạn ưa acid.

- Tỷ lệ BN có tỷ lệ nhiễm sắc thể Ph+ $\geq 30\%$ trước nghiên cứu chiếm 56,6%.

- Định lượng RT -PCR để định lượng số bản sao BCR - ABL cho thấy kết quả về định lượng nồng độ bản sao BCR - ABL của nhóm BN đáp ứng: trung bình của 22/56BN 1.24 trước điều trị IM và sau 3 tháng điều trị IM: 0,13% - 1,33% và định lượng nồng độ bản sao BCR - ABL không còn phát hiện được vào tháng thứ 3 sau điều trị Imatinib: BN đạt đáp ứng hoàn toàn về SHPT.

3. Thông kê tỷ lệ kháng thuốc Imatinib của bệnh nhân BCMDT sau điều trị

- Có 22 bệnh nhân (BN) đáp ứng hoàn toàn thuốc Imatinib chiếm tỷ lệ 39,3%, tương đương đáp ứng phân tử (MR4,0 - 5,0),
- Có 34 BN chiếm tỷ lệ 60,7% kháng hay không dung nạp thuốc Imatinib gồm các BN đáp ứng hoàn toàn nhưng mất đáp ứng sau đó; BN đáp ứng 1 phần và không đáp ứng hoàn toàn, tương đương đáp ứng phân tử (MR3,0 - 4,0).
- Trong đó 15 BN chiếm tỷ lệ 26,8 % đáp ứng hoàn toàn nhưng mất đáp ứng sau đó được tiếp tục điều trị 3 tháng và được đánh giá lại kết quả sau 3 tháng cho thấy rằng có 53,3% bệnh nhân đã đáp ứng hoàn toàn thuốc Imatinib.

4. Tỷ lệ không dung nạp thuốc Imatinib ở bệnh nhân BCMDT

- Trong số 56 bệnh nhân BCMDT được theo dõi từ tháng 12/2022 đến tháng 5/2023, ghi

					nhận 6 ca bệnh (chiếm tỷ lệ là 10,7%) không dung nạp thuốc Imatinib điều trị 3 tháng đầu. Ngoài ra, các BN đáp ứng hoàn toàn nhưng mất đáp ứng sau đó được tiếp tục điều trị với Imatinib 3 tháng sau đó, ghi nhận được 7 ca bệnh (chiếm tỷ lệ là 46,7%) không dung nạp thuốc Imatinib.
228		So sánh khả năng kích thích tăng sinh nguyên bào sợi từ lá Trầu không (<i>Piper betle</i> L.) và exosome từ huyết tương máu dây rốn	Thân Trọng Nhã Khuê	Chế Thị Cẩm Hà	Quy trình: Phân lập và đánh giá chất lượng nguyên bào sợi từ máu dây rốn Phân lập và đánh giá chất lượng Exosome từ máu dây rốn Bào chế và đánh giá chất lượng cao chiết lá Trầu Không (<i>Piper betle</i> L.) Thử nghiệm và so sánh khả năng kích thích tăng sinh nguyên bào sợi của cao chiết lá Trầu Không và Exosome từ máu dây rốn Kết quả: Phân tích GC-MS cao chiết lá Trầu Không thu được 26 hợp chất, trong đó có các hợp chất chính là 2,6-Dimethylbenzoic acid, Eugenol, 2,8 Chrysenediol, dl-Citronellol, Chavicol. Cao chiết ethanol thể hiện hoạt tính kháng khuẩn trên 7 chủng <i>B. pumilus</i>, <i>S. aureus</i>, <i>E. faecalis</i>, <i>E. coli</i>, <i>S. typhi</i>, <i>P. vulgaris</i> và <i>P. aeruginosa</i> với đường kính vòng kháng khuẩn lớn. Thu nhận Exosome bằng phương pháp kết tủa với KIT PEG16% với hàm lượng protein tổng số thu được là 1,218 mg/mL. Kết quả

					Western blot cho thấy UCB-Exos biểu hiện CD63, CD31, CD9. Giá trị IC₅₀ của cao chiết lá Trầu Không và UCB-Exos là 51,48 µg/mL và 67,03 µg/mL. Kết quả nghiên cứu này chứng minh cao chiết lá Trầu Không có khả năng kháng viêm cao hơn so với UCB-Exos. Ở nồng độ 150 µg/mL, cao chiết lá Trầu Không và UCB-Exos cho khả năng kích thích tăng sinh NBS lớn nhất và gần như là tương đương nhau. Ở nồng độ 200 µg/mL, UCB-Exos không gây ức chế tăng sinh NBS, tuy nhiên cao chiết lá Trầu Không lại gây ra sự ức chế này. Điều này chứng tỏ ở nồng độ cao, các hoạt chất sinh học trong cao chiết gây tổn thương tế bào.
229		Nghiên cứu hoạt tính sinh học của hợp chất nerolidol từ cây nghê rầm (<i>Polygonum hydropiper</i>) lên nguyên bào sợi in vitro	Nguyễn Thị Tâm	Chế Thị Cẩm Hà	Quy trình: Định tính thành phần, định lượng flavonoid và polyphenol tổng số của cao chiết ethanol từ Nghê rầm (<i>Polygonum hydropiper</i>). Đánh giá khả năng chống oxy hoá và khảo sát khả năng ức chế tế bào ung thư <i>in vitro</i> của cao chiết. Kết quả: - Xác định được 7 thành phần trong cao chiết, trong đó Nerolidol và dẫn xuất của nó chiếm đến 93,19%. - Cao chiết Nghê rầm có hàm lượng flavonoid và polyphenol tổng số lần lượt là 57,85 ± 2,26 mg QE/g và 235,28 ± 4,43 mg GAE/g. - Cao chiết Nghê rầm thể hiện hoạt tính chống oxy hóa cao với giá trị IC₅₀ là 8,06 µg/mL.

					Ở nồng độ 100 µg/mL, cao chiết Nghê rằm có khả năng ức chế bốn dòng tế bào ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư gan và ung thư đại trực tràng. Cao chiết có hiệu quả gây độc tốt nhất đối với dòng ung thư đại trực tràng.
230		Nghiên cứu nuôi cấy mô ở cây Tứ bảo sắc	Tôn Nữ Trâm Anh	Lê Văn Tường Huân	Quy trình: Màng sinh học nhân tạo được hình thành bằng cách nuôi cấy vi tảo lục trên bề mặt sợi vải được làm ẩm ướt bằng môi trường dinh dưỡng. Nước thải qua màng sẽ được tảo hấp thụ các chất hoà tan, kết hợp với quá trình quang hợp tổng hợp chất hữu cơ cho sự sinh trưởng và phát triển của tế bào tảo. Quá trình giúp nước thải được làm sạch một phần. Kết quả: Đồ án sẽ đánh giá được khả năng xử lý nước thải đô thị của một loại màng sinh học được phát triển dựa trên sự sinh trưởng của tảo lục ở quy mô phòng thí nghiệm. Kết quả là cơ sở khoa học cho một phương pháp sử dụng vi tảo trong xử lý ô nhiễm đồng thời có thể tận dụng sinh khối tảo cho nhiều ứng dụng sau này.
231		Nghiên cứu nuôi cấy protocorm ở cây lan Trầm	Phùng Thị Nhật Huyền	Lê Văn Tường Huân	Tóm tắt: Nghiên cứu ảnh hưởng của 2,4 D kết hợp với TDZ, 2,4 D kết hợp BAP, Tryptone, Peptone, dịch chiết nấm men, nước dừa lên khả năng tạo protocorm trong điều kiện <i>in vitro</i> ở cây lan Trầm Kết quả 1. Kết quả: Trong các môi trường cơ bản MS có bổ sung 2,4 D kết hợp với TDZ, môi trường có bổ sung 0,1 mg/L 2,4D kết

					hợp với 0,05 mg/L TDZ là tốt nhất cho tạo protocorm trong điều kiện <i>in vitro</i>. 2. Trong các môi trường cơ bản MS có bổ sung 2,4 D kết hợp với BAP , môi trường có bổ sung 0,1 mg/L 2,4D kết hợp với 0,1 mg/L BAP là tốt nhất cho tạo protocorm trong điều kiện <i>in vitro</i>. 3. Trong các môi trường cơ bản MS có bổ sung Tryptone , môi trường có bổ sung 1,5 g/L Tryptone là tốt nhất cho tạo protocorm trong điều kiện <i>in vitro</i>. 4. Trong các môi trường cơ bản MS có bổ sung Peptone , môi trường có bổ sung 1 g/L Peptone là tốt nhất cho tạo protocorm trong điều kiện <i>in vitro</i>. 5. Trong các môi trường cơ bản MS có bổ sung YE, môi trường có bổ sung 1,5 g/L YE là tốt nhất cho tạo protocorm trong điều kiện <i>in vitro</i>. 6. Trong các môi trường cơ bản MS có bổ sung CW, môi trường có bổ sung 150 mL/L CW là tốt nhất cho tạo protocorm trong điều kiện <i>in vitro</i>.
232		Nghiên cứu tạo chồi <i>in vitro</i> ở cây lan Trầm	Hoàng Thị Yến Nhi	Lê Văn Tường Huân	Tóm tắt: Nghiên cứu ảnh hưởng của KIN, TDZ, BAP và sự kết hợp của chúng với NAA lên khả năng tạo chồi <i>in vitro</i> 1. Trong các môi trường MS cơ bản có bổ sung KIN nghiên cứu, môi trường có bổ sung 2 mg/L KIN là môi trường tốt nhất cho khả năng tạo chồi <i>in vitro</i>.

					2. Trong các môi trường MS cơ bản có bổ sung KIN kết hợp với NAA nghiên cứu, môi trường có bổ sung 2 mg/L KIN kết hợp với 0,2 mg/L NAA là môi trường tốt nhất cho khả năng tạo chồi <i>in vitro</i>. 3. Trong các môi trường MS cơ bản có bổ sung TDZ nghiên cứu, môi trường có bổ sung 1 mg/L TDZ là môi trường tốt nhất cho khả năng tạo chồi <i>in vitro</i>. 4. Trong các môi trường MS cơ bản có bổ sung TDZ kết hợp với NAA nghiên cứu, môi trường có bổ sung 1 mg/L TDZ kết hợp với 0,1 mg/L NAA là môi trường tốt nhất cho khả năng tạo chồi <i>in vitro</i>. 5. Trong các môi trường MS cơ bản có bổ sung BAP nghiên cứu, môi trường có bổ sung 1,5 mg/L BAP là môi trường tốt nhất cho khả năng tạo chồi <i>in vitro</i>. 6. Trong các môi trường MS cơ bản có bổ sung BAP kết hợp với NAA nghiên cứu, môi trường có bổ sung 1,5 mg/L BAP kết hợp với 0,2 mg/L NAA là môi trường tốt nhất cho khả năng tạo chồi <i>in vitro</i>.
233	Đại học/ Khoa Ngữ văn	Tiểu thuyết <i>Đất mồi côi</i> của Cổ Viên từ góc nhìn xã hội học văn học	Phan Thị Hồng Phúc	Phan Trọng Hoàng Linh	Xã hội học văn học là một lĩnh vực còn khá mới ở Việt Nam so với các chuyên ngành khác thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và được đề cập đến ở trong nước khoảng hơn mười năm trở lại đây. Từ quan điểm xã hội học, các nhà phê bình xem văn học là một hoạt động xã hội. Họ đặt văn học trong bối cảnh hiện thực xã hội để lý giải, phân tích. Văn học được tìm hiểu trong mối quan hệ với các

					hình thái khác như kinh tế, chính trị, tôn giáo, đời sống xã hội. Xã hội học văn học không phải là cách tiếp cận văn học từ xã hội, mà dùng những kiến thức và phương pháp xã hội học để nghiên cứu văn học, lấy văn học làm đối tượng nghiên cứu chính. Xã hội học văn học không phải chỉ gắn liền văn học với xã hội, công chúng bạn đọc mà còn là nhu cầu và thị hiếu của những bộ phận xã hội khác nhau. Những vấn đề mà phê bình xã hội học văn học nói đến bao gồm những nền tảng lý thuyết và phương pháp xã hội học văn học chính là sự gợi mở đầy hữu ích cho việc tiếp cận các hiện tượng văn học từ góc nhìn này. Tạ Duy Anh hay bút danh Cỏ Viên
232	Đại học/ Khoa XHH và CTXH	Nhu cầu chăm sóc sức khoẻ của người cao tuổi tại phường An Hoà hiện nay	Nguyễn Thừa Đàm	Nguyễn Thị Hoài Phương	Khoá luận tìm hiểu tình trạng sức khoẻ và nhu cầu chăm sóc sức khoẻ của người cao tuổi tại phường An Hoà, thành phố Huế. Đồng thời, xác định một số khó khăn và hạn chế còn tồn tại trong công tác chăm sóc sức khoẻ cho người cao tuổi tại địa phương. Từ đó, đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động chăm sóc sức khoẻ cho người cao tuổi được thực hiện một cách toàn diện và hiệu quả hơn nữa trong thực tiễn.
233		Can thiệp giáo dục cho trẻ có rối loạn phổ tự kỷ tại gia đình tại phường Phú Thượng, thành phố Huế	Nguyễn Thị Bích Hương	Huỳnh Thị Ánh Phương	Khóa luận tìm hiểu và làm rõ đặc điểm của trẻ có rối loạn phổ tự kỷ, qua đó thực hiện một số hoạt động can thiệp giáo dục cho trẻ tại gia đình tại phường Phú Thượng, thành phố Huế. Từ đó, khóa luận đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả hỗ trợ hòa nhập thông qua giáo dục tại gia đình cho trẻ có rối loạn phổ tự kỷ.

234		Tìm hiểu nhu cầu hỗ trợ xã hội của người nghèo tại thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Nguyễn Quang Huy	Trương Thị Yến	Khóa luận tìm hiểu và mô tả một số nhu cầu hỗ trợ của người nghèo đô thị tại địa bàn thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị từ góc độ của nghề công tác xã hội. Trên cơ sở tìm hiểu nhu cầu hỗ trợ thực tế, tác giả đề xuất một số hoạt động công tác xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ xã hội của nhóm người nghèo đô thị hiện nay.
235		Thực trạng sức khỏe tâm thần của thanh niên nông thôn trên địa bàn xã Thủy Phù, TX Hương Thủy, TT Huế.	Lê Thị Quỳnh Như	Phạm Tiến Sỹ	Khóa luận tập trung nghiên cứu mức độ phổ biến và một số yếu tố có liên quan đến sức khỏe tâm thần của thanh niên trên địa bàn nghiên cứu. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực trạng, khóa luận cũng đề xuất một số biện pháp, kiến nghị, cũng như làm rõ vai trò của công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần cho nhóm thanh niên nông thôn
236		Giáo dục hoà nhập cho trẻ có rối loạn phổ tự kỷ trên địa bàn Thành phố Huế	Nguyễn Thị Thu Phương	Đinh Thị Thiên Ái	Khoá luận tập trung nghiên cứu thực trạng giáo dục hoà nhập cho trẻ có rối loạn phổ tự kỷ trên địa bàn thành phố Huế. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng tác giả đề xuất một số biện pháp, kiến nghị và các hoạt động công tác xã hội nhằm nâng cao hiệu quả của việc giáo dục hoà nhập cho nhóm đối tượng này trên địa bàn nghiên cứu.
237		Thực trạng tiếp cận dịch vụ giáo dục của sinh viên khuyết tật tại trường Đại học Khoa học	Trần Như Quỳnh	Trương Thị Xuân Nhi	Khóa luận mô tả thực trạng tiếp cận các dịch vụ giáo dục của sinh viên khuyết tật tại trường Đại học Khoa học. Đồng thời, chỉ ra những thuận lợi và khó khăn trong quá trình học tập của sinh viên khuyết tật. Dựa trên kết quả nghiên cứu, khóa luận đề xuất một số giải pháp nhằm hỗ trợ sinh viên khuyết tật có thể tiếp cận một môi trường giáo dục hiệu quả hơn.

238		Đánh giá tiếp cận chính sách đối với người có công trên địa bàn xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	Phạm Thị Thúy Vy	Nguyễn Thị Nha Trang	Khóa luận tìm hiểu thực trạng tiếp cận chính sách cho người có công CM trên địa bàn xã Ba Tơ, các loại hình chăm sóc hỗ trợ mà người CCCM đang được hưởng, đang được hỗ trợ, đồng thời tìm hiểu luôn những bất cập trong việc tiếp cận chính sách dành cho đối tượng này và gợi ý giải pháp khắc phục.
-----	--	---	------------------	----------------------	--